

CỔ VĂN VIỆT NAM

TIỀN TRIỀU LỄ-TẦN  
NGUYỄN NHƯỘC THỊ

幸 蜀 歌

HANH  
THỰC CA

Lê thân TRẦN TRỌNG KIM  
*phiên-dịch và chú-thích*



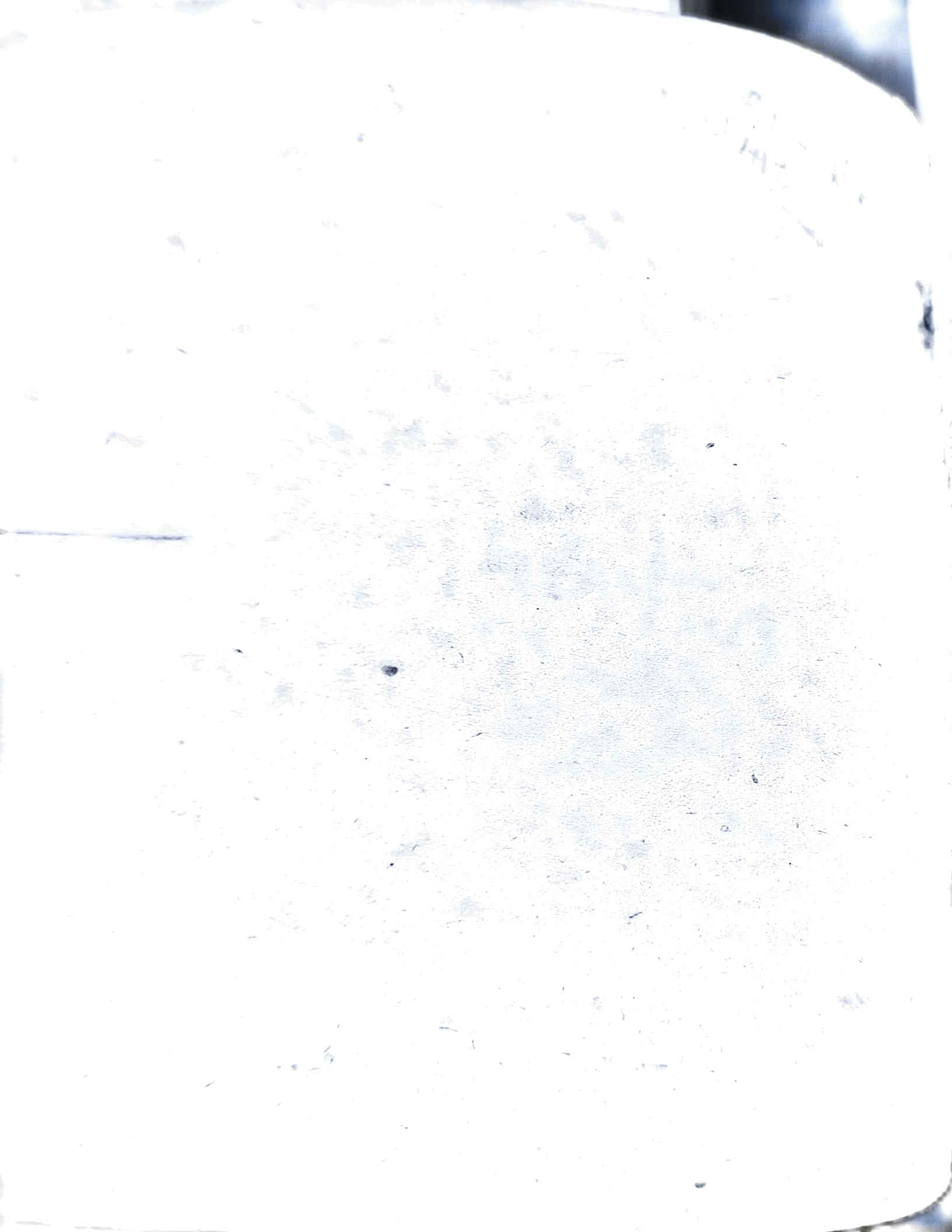
SÁCH BỎ QUỐC-SỬ

TÂN VIỆT



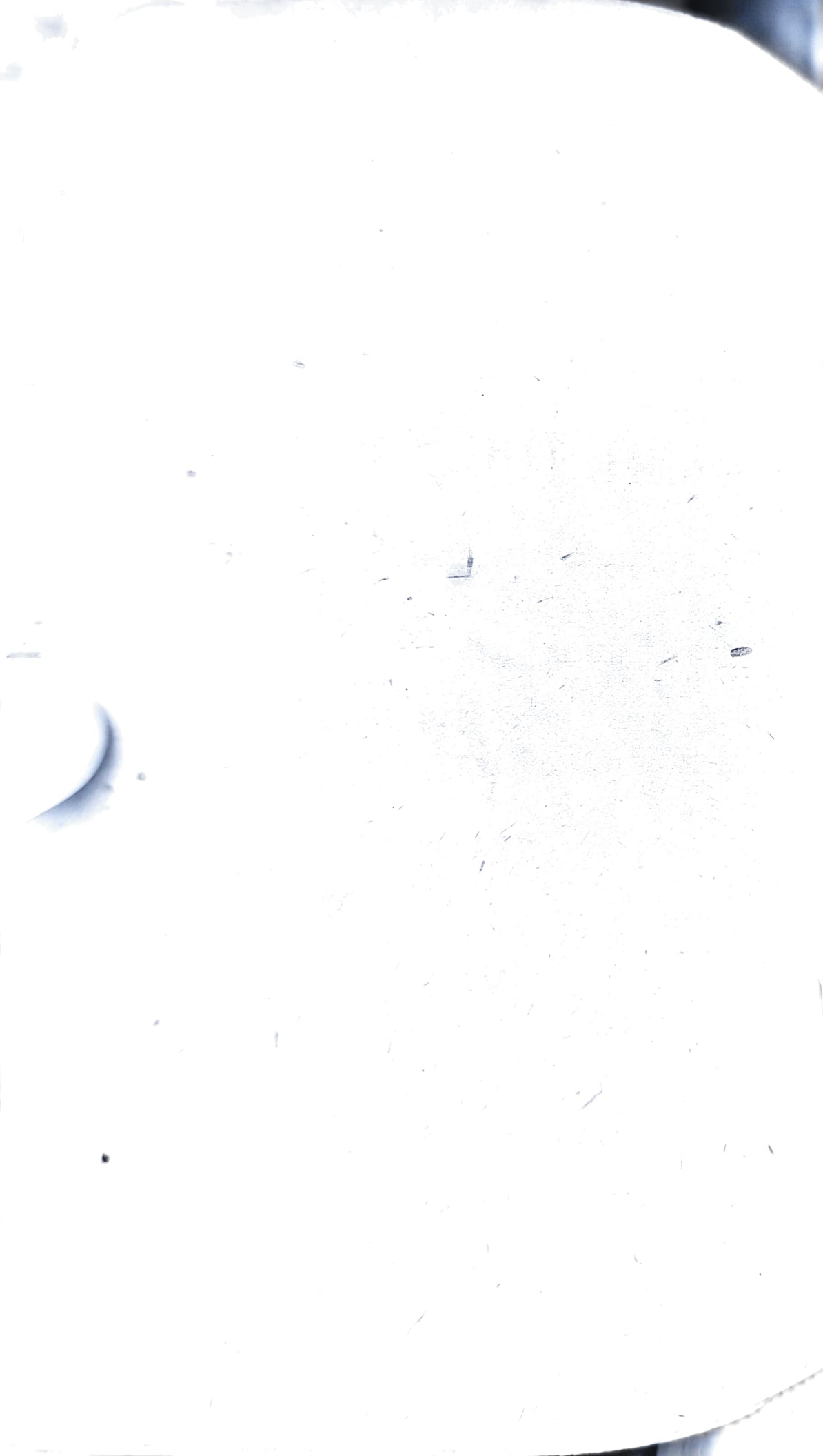
12-55

SAIGON



# HẠNH THỰC CA





CỔ VĂN VIỆT NAM

---

TIỀN TRIỀU LỄ-TÂN  
NGUYỄN NHƯỢC THỊ

# HẠNH THỤC CA

幸 蜀 歌

Lê thân TRẦN TRỌNG KIM

*phiên-dịch và chú-thích*

SÁCH BỒ QUỐC-SỬ

TÂN VIỆT

**HẠNH THỰC CA** của bà **LÊ tẩn NG. NHƯỢC THI**  
do cụ **TRẦN TRỌNG KIM** phiên dịch và chú  
thích, in lần thứ nhất do nhà **TÂN-VIỆT** xuất-  
bản ngoài những bản thường có in riêng  
mười lăm bản đẹp trên giấy trắng — ba  
bản đánh dấu **T.V.—T.T.K.—L.V.V.**  
và mười hai bản đánh dấu từ  
**A I. đến A XII.** — những bản  
này đều không có bản

**BẢN** .....



## TỰA

Kể từ khoảng cuối thế-kỷ XIX và đầu thế-kỷ thứ XX là khoảng thời-gian cái chủ-nghĩa thực-dân ở bên Âu-tây đang lên mạnh. Những nước ở bên Á-đông như Trung-hoa, Nhật-bản, Cao-ly, Việt-nam và Xiam đều là những nước tuy có văn-hóa tối cò, có nền chính-trị phân-minh, có kỹ-cương, có chế-độ rõ-ràng, nhưng vì kém-hèn về đường vũ-bị, cho nên đều thành ra những miếng mồi của những nước thực-dân như nước Anh, nước Pháp, nước Đức, nước Nga, v. v...

Song mỗi một nước trong những nước suy-nhược ấy có một hoàn-cảnh, một tình-thế đặc-biệt, cho nên có nước như Nhật-bản, chóng thoát khỏi sự uy-hiếp của các nước thực-dân ; có nước như Trung-hoa và Xiam tuy không đến nỗi mất nước, nhưng cũng bị uy-hiếp khá nặng ; có nước như Việt-nam ta thì không những mất cả quyền tự-chủ mà còn bị người ta làm tiêu-ma mất cả tinh-thần quốc-gia nữa.

Sở phận nước Việt-nam tuy đến năm Nhâm-ngọ (1882) mới thật quyết-liệt, nhưng cái dự-án của người Pháp định lấy nước Việt-nam làm thuộc-địa đã có từ lâu, mãi đến cuối đời Thiệu-trị, tức là vào quãng năm Đinh-vị (1847) mới thực-hiện ra một cách rõ-ràng hơn trước.

Từ đó về sau nước Pháp chỉ chờ có cơ-hội thuận-tiện là vào đánh lấy đất-đai và uy-hiệp đủ mọi đường. Cái phương-sách của người Pháp là đi từ từ từng bước một, trước lấy một nửa Nam-Việt, sau lấy cả Nam-Việt. Khi công-cuộc ở Nam-Việt đã xếp-đặt đâu ra đấy rồi, bấy giờ mới tìm cách ra lấy Bắc-Việt. Lần đầu vào năm Quý-dậu (1873) quân Pháp ra lấy thành Hà-nội rồi lại trả lại, để mười năm sau là năm Nhâm-ngọ (1882) lại đánh lấy lần nữa. Qua năm Quý-vị (1883) quân Pháp xuống lấy thành Nam-định, rồi đến tháng tư năm ấy, người thống-suất quân Pháp là Hải-quân đại-tá Henri Rivière bị quân Cờ-đen giết ở gần Ô Cầu-giấy. Trong khi quân Pháp vào đánh-phá, việc nước rối-loạn, thì vua Dục-tông thăng-hà ở Huế vào ngày tháng sáu. Ngài trị-vì được 36 năm.

Từ đó về sau, trong khoảng năm sáu năm, bao nhiêu những sự đau-buồn xảy ra ở đất Việt-nam. Pháp đã định đánh lấy nước ta, thì lẽ tất nhiên là ta phải đánh lại, song vì sức không đủ, phải nhờ quân Tàu sang cứu-viện, thành ra trong khoảng từ năm Quý-vị (1883) đến năm Ất-dậu (1885) đất Bắc-Việt khắp nơi bị tàn-phá. Quân Pháp thấy tình-thế khó-khăn, bèn sai Hải-quân thiếu-tướng Courbet sang đánh thành Phúc-châu và vây đảo Đài-loan. Thế bất-đắc-dĩ, triều-đình nhà Thanh phải ký hòa-ước ngày 27 tháng tư năm Ất-dậu ở Thiên-tân, cam-

đoan rút quân Tàu ở Bắc-Việt về và nhận để nước Pháp được quyền tổ-chức cuộc Bảo-hộ ở Việt-nam.

Bảo-hộ là một chính-sách thuộc-dịa rất khôn-khéo. Khi quân Pháp đã chinh-phục được cả nước rồi, cứ để nguyên chế-độ và các danh-vị cũ, chỉ cốt đem những người thân-tín hay tôi-tớ của mình vào giữ các chức-vị để dễ sai-khiến. Dần dần người Pháp thu hết cả thực quyền vào tay mình. Những việc như binh-bị, tài-chính, cai-trị và giáo-dục v. v... đều do người Pháp chủ-trương và điều-khiển. Người bản xứ từ vua quan trở xuống hoặc chỉ được giữ cái hư-vị, hoặc chỉ được làm những chức-vụ thừa-hành ở dưới quyền chỉ-huy của người Pháp. Theo cái chính-sách ấy thì dân-khí trong những xứ Bảo-hộ mỗi ngày một suy-nhược đi, lâu dần thành ra một hạng người làm tôi-tớ rất giỏi, mà không có cái tư-cách làm người tự-chủ nữa.

Đại-khái những việc ấy ta có thể xem sách-vở của Tây hay của ta mà biết được, còn những việc xảy ra ở kinh-thành Huế sau khi vua Dục-tông mất rồi, thì ít người biết được rõ. Việc triều-chính lúc ấy rối-loạn do hai người quyền-thần muốn thừa cơ mà chuyên-quyền tưng-tứ. Hai người ấy là Nguyễn văn Tường và Tôn-thất Thuyết, một người coi tiền-tài và quan-lại, một người giữ hết cả binh-quyền ở trong tay. Hai người thoạt đầu tiên đổi di-chiều của vua Dục-lông, bỏ hoàng-trừ Dục-dực, cách chức quan ngự-sử Phan đình Phùng và lập vua Hiệp-hòa. Được hơn bốn tháng sau, hai người lại bỏ vua Hiệp-hòa rồi đem giết đi, giết cả quan nguyên Phụ-chính Trần Tiên-Thành và lập vua Kiến-phúc. Lúc bấy giờ Tôn-thất Thuyết mộ quân Phấn-nghĩa để giữ mình và thường hay tiếm dùng nghị-vệ của vua; Nguyễn-văn Tường thì lấy tiền hối-lộ của lũ khách buôn, cho

chúng đem một thư tiền đức ở bên Tàu, theo niên-hiệu Tự-đức, gọi là **tiền sênh**, tiền rất xấu và rất mỏng, bắt dân ở kinh-kỳ phải liêu.

Vua Kiến-phúc lên làm vua được sáu tháng thì mắc bệnh, mất một cách khả ngờ. Tương và Thuyết lập ông Ung-Lịch mới 12 tuổi lên làm vua, tức là vua Hàm-nghi. Triều-đình lúc ấy việc gì cũng do hai người quyền-thần ấy quyết-định hết cả. Ông Dục-đức đã bị truất, không được làm vua, đến bảy giờ cũng bị giết. Hoàng-thần quốc-thích ai làm điều gì trái ý hai người ấy đều bị giết hay bị đày.

Những việc ấy đều là việc bí-mật ở trong Triều, người ngoài khó mà biết được rõ-ràng. May nhờ lúc ấy có bà Lê-tần Nguyễn-nhược-thị đem những sự bà đã tai nghe mắt thấy mà kể ra trong một bài ca có 1.018 câu thơ lục bát, gọi là **Hạnh Thục Ca** 幸蜀歌.

Bà Nguyễn-nhược-thị (1830 - 1909) người ở Phan-rang, thuộc tỉnh Khánh-hòa, con gái quan Bô-chánh Nguyễn-nhược Sâm. Bà có khiếu thông-minh, nổi tiếng có tài văn-học, được tuyển vào trong cung ngay từ đầu đời Tự-đức, rồi được phong chức Lê-tần là một chức nữ-quan dưới bậc phi. Sau bà được cử làm chức bí-thư hầu bà Từ-dụ Thái-hậu là mẹ đức Dục-tông. Vua Dục-tông thờ mẹ rất có hiếu, mỗi tháng cứ 15 ngày thiết triều bàn việc nước với các quan, 15 ngày sang châu cung, tức là sang châu mẹ, trong nước có việc gì quan-trọng cũng tâu cho mẹ biết. Bởi vậy bà Lê-tần Nguyễn-nhược-thị có thể biết đúng những sự thực theo cái quan-điểm của người mình lúc bấy giờ, mà quyền sách của bà là quyển sách có cái giá-trị đặc-biệt về một đoạn lịch-sử của nước ta.

Sao bà Nguyễn-nhược-thị lại đề nhan sách của bà là **Hạnh-Thục ca** ? Là vì bà thấy cái hoàn-cảnh triều Nguyễn lúc ấy phải bỏ kinh-thành chạy ra Quảng-trị và Quảng-bình giống như cái hoàn-cảnh triều-đình nhà Đường bên Tàu ngày xưa. Vua Minh-hoàng bị giặc An-lộc-son đánh, phải bỏ kinh-thành Trường-an chạy vào đất Thục để lánh nạn. Theo cái nghĩa chữ nho, khi vua đi đến đâu gọi là **hạnh**. **Hạnh Thục** là vua đi đến đất Thục. Vì có cái hoàn-cảnh hơi giống nhau như thế, cho nên bà Nguyễn-nhược-thị mới lấy hai chữ ấy mà đề nhan quyển sách của mình.

Văn của bà Nguyễn-nhược-thị viết bằng chữ nôm, văn-từ lưu-loát, nhưng có nhiều tiếng đọc theo động nói ở vùng Nam Trung thì đúng văn, mà đọc đúng văn quốc-ngữ, thì sai. Bởi vì những tiếng có chữ **n** đứng cuối-cùng thường đọc như tiếng có chữ **ng**. Thí-dụ : **an** đọc ra **ang** ; **ăn** đọc ra **ăng**, **xuân** đọc ra **xuâng**, **khoan** đọc ra **khoang**, **hòn** đọc ra **hông**, **thần** đọc ra **thăng**, **đèn** đọc ra **đèng**, **quyển** đọc ra **quyềng** v. v...

Lại có một vài câu thơ lạc vận, nhưng đó có lẽ là khi người chép lại viết sai, chứ không phải lỗi tại tác-giả.

Vả cái giá-trị quyển sách của bà Nguyễn-nhược-thị là không phải ở câu văn, mà ở những tài-liệu của bà đã nhặt được để giúp nhà làm sử sau này. Cũng vì thế mà khi tôi tìm được quyển sách này ở Huế, tôi liền đưa cho trường Bác-cổ sao lấy một bản, tôi lại cho ban Văn-học ở Khai-tri-tiến-đức sao lấy một bản. Còn bản của tôi giữ, thì đem dịch ra làm mấy bản bằng quốc-ngữ, phòng khi ở chỗ này mất, thì ở chỗ khác hãy còn. Ấy cũng nhờ vậy mà sau

cuộc binh-lửa cuối năm Bình-luất (1946) bao nhiêu sách-vở của tôi bị đốt cháy, mà còn có người giữ được một bản bằng quốc-ngữ. Nay tôi đem chú-thích những tiếng khó bằng chữ nho và những tiếng tối nghĩa, rồi chia nguyên-văn ra từng đoạn, có đề-mục nhỏ ở cạnh rìa, để người ta xem cho dễ hiểu.

Quyển sách này tuy về đường hình-thức thì bé nhỏ, nhưng về đường lịch-sử, nó có cái giá-trị khá lớn, cho nên tôi vui lòng đem in ra để làm một sách **bổ quốc sử** rất tiện-lợi cho những người muốn biết những biến-cổ ở kinh-thành Huế, do một người Việt-nam có địa-vị đặc-biệt đã kể lại, trong thời-kỳ người Pháp mới sang lập cuộc Bảo-hộ ở đất này.

Viết tại Hà-thành, tháng quý thu, năm Canh-dần  
(Octobre 1950)

**Lệ-thần TRẦN TRỌNG KIM**

# HANH THUC CA

## LỜI MỞ ĐẦU NÓI SỰ KỂ TRUYỀN Ở NƯỚC VIỆT - NAM.

Ngâm cơ tạo-hóa khôn lường,  
Trải xem trị loạn lẽ thường xưa nay.  
Thịnh suy thế vận lần xoay,  
Non sông như cũ đổi thay không cùng.  
Nước ta Nam-Việt phân phong,  
Hiệu Hồng-bàng-thị vốn dòng Thần-nông.  
Trị đời mười-tám vua Hùng,  
Hai ngàn năm lẽ đều cùng nổi noi.  
Thói quen chất-phác ít-ôi (1),  
Nào từng biến hóa, những vui yên lành.  
Đến tuần thái cực, bĩ sinh (2),  
Bị người Trung-quốc đánh giành lẫn sang.  
Đều là phút dậy phút tàn,  
Mấy trăm năm ấy rối loạn xiết chi.  
Nổi lên Đinh, Lý, Trần, Lê,  
Bởi vì phúc hậu mệnh kia trời dành.  
Lại hay sửa trị chính lành,  
Vây nên dựng hưởng tôn vinh nghiệp dài.

---

(1) *Ít-ôi* đây có nghĩa là thực-thà.

(2) *Thái* và *bĩ* là hai quẻ trong kinh Dịch. *Thái* là thịnh-vượng, *bĩ* là suy-đổi.

Mục lân (1) thần phục nước người,  
Giữ gìn cương thổ mấy đời trị-an.  
Đến sau chính sự đãi-hoang (2),  
Nguy Tây (3) thiết cứ (4) bạo cường ngược dân.

### VUA GIA-LONG

#### RA ĐỜI.

Cửu đời mừng có thánh nhân (5),  
Hoàng triều khải vận đẹp quân hung-tàn.  
Mở-mang bờ cõi phong-cương (6),  
Thay Lê diệt Trịnh sửa-sang mỗi giường.  
Lựa bày lễ nhạc, văn-chương,  
Thần truyền thánh kế muôn phương đức nhuần.  
Dân vui cõi thọ dài xuân (7),  
Sáu mươi năm lễ, hưu-trung (8) thái-bình.  
Nào dè bỉ vận gần sinh,  
Hoàng-kỳ-tặc tới Bắc-kinh quấy rầy (9).  
Lại thêm thủy hạn thường ngày (10),  
Ơn ra nhờ chúa khéo xoay khỏi nạn.

### PHÁP SANG LẤY

#### NAM-VIỆT

Lạ thay cái nước Pháp-lan,  
Bằng ngàn vượt biển lướt sang giòm hànhh.

- 
- (1) Mục-lân 睦鄰 là nước láng-giềng hòa-thuận, không hay sinh sự.  
(2) Đãi-hoang 怠荒 là lười-biếng phóng-túng.  
(3) Nguy Tây là nói Tây-son.  
(4) Thiết cứ 竊據 là cướp trộm mà lấy.  
(5) Thánh nhân là nói vua Gia-long.  
(6) Phong-cương là bờ-cõi.  
(7) Cõi thọ dài xuân là do chữ Xuân-dài thọ vực tức là cõi người sống lâu dài và đềm mát-mẻ.  
(8) Hưu-trung 休徵 cũng như cát trưng là điềm tốt.  
(9) Hoàng-kỳ-tặc là giặc Cờ-vàng; Bắc-kinh là nói Bắc-Việt.  
(10) Mấy năm ở Bắc-Việt bị dè vỡ nước lụt và hạn hán luôn dân rất cực khổ.



Thẳng vào Gia-định tung hoành,  
Cây nghề tàu súng phá thành như chơi.  
Ngăn-ngừa không mất hùng tài,  
Cát lăm, thương bầy dân trời một phương.  
Chước hòa vậy phải tạm khoan,  
Ghi thù sau sẽ liệu toan rửa hờn.  
Quyền nghi hết sức lo lường (1),  
Sai quan đi sứ (2) trăm đường tổn hao.  
Cầu hòa ba tỉnh cắt giao,  
Hãy còn ba tỉnh lén vào cướp không (3).  
Liều mình dốc ven niềm trung,  
Nhịn ăn cho chết, Phan công hết lòng,  
Tóm thu sáu tỉnh Nam Trung,  
Lại đòi tiền bạc bồi cùng năm năm.  
Chịu mềm chin đã rất căm,  
Lòng tham nào khác như tấm ăn lên.  
Làm cho nhọc lượng lo phiền,  
Càng ngày càng thấy những thêm việc vàng.

### GIẶC Ở BẮC-VIỆT.

Tây, Tàu ý thế dọc ngang,  
Thêm đoàn Bắc khấu quân ngoan (4) cùng dồng.  
Song nhờ chế biến khéo dùng,  
Chòm ong, lũ kiến đều cùng quét thanh.

---

(1) Tiếng *hờn*, người đàn trong đục là *hờng*, cho nên câu dưới mới hạ vào *lường*.

(2) Bảy giờ Triều-đình sai Phan Thanh-Giản và Lâm Duy-Tiếp vào Gia-định giảng-hòa.

(3) Hòa-ước ký năm Nhâm-tuất (1862) Triều-đình & Huế phải nhường ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-tường và phải trả 4 triệu bạc tiền binh phí. Đến năm Đinh-mão (1867) là 5 năm sau, nước Pháp lấy nốt ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên.

(4) *Ngoan* là ngoan-ngạnh. Đây nói các bọn giặc ở Bắc-Việt.

Vua Tàu tuy có giúp binh,  
Lấy rồi việc, cũng khoe mình rằng công (1).  
Giặc chưa tắt, việc chưa xong,  
Biết bao tiền của cấp cung hào phiến.  
Mấy năm sau mới chút yên,  
Tàu vừa đẹp đặng, Tây liền lại gây.

### PHÁP ĐÁNH BẮC- VIỆT LẦN THỨ NHẤT

Bắc-kỳ găm ghé bấy nay,  
Quyết lòng trở mặt ra tay cướp vầy.  
Thình-lình lửa dậy đạn bay,  
Sa cơ tri dũng tướng rày bị thương (2).  
Trượng-phu trác trác (3) gan vàng,  
Lăm bêu đầu giặc, sá màng thuốc hay.  
Đã đành chín suối chơi mây,  
Danh thần liệt liệt xưa nay cùng truyền.  
Dâng công, An-nghiệp (4) tài hèn,  
Bị Lưu Vĩnh-Phúc giết liền, rất ưng (5).  
Sài lang thói dữ chút răn,  
Đất thành giao lại, quan quân tha về.  
Hiềm sâu chước quỷ khôn dè,  
Miễn là dặng của kẻ gì ước giao.  
Những người lấy đưc rộng bao,  
Tin thành cảm đến Mọi Lào mến ân.  
Vây nên đẹp thói lung-lãng,  
Mấy mươi năm ấy dân chẳng khôn nghèo.

- (1) *Lấy rồi việc* nghĩa là làm qua loa cho xong việc. Thừa ấy quan Thanh có cho một toán quân sang Việt-nam đánh một bọn giặc Tàu.  
(2) Đây nói Nguyễn Tri-Phương, khi Pháp đánh thành Hà-nội lần đầu tiên, ông bị thương, không chịu dè buộc thuốc mà chết.  
(3) *Trác trác* 卓卓 là vững bền.  
(4) *An-nghiệp* là tên ta đặt dè gọi Francis Garnier, hải quân sĩ đánh lấy thành Hà-nội lần thứ nhất.  
(5) *Rất ưng* là ý nói rất thích-dáng, rất hài-lòng.

## PHÁP ĐÁNH HÀ- NỘI LẦN THỨ HAI

Lòng tham dặng ít muốn nhiều,  
Tờ năm Nhâm-ngọ đánh liều làm hung.  
Long-thành (1) pháo lửa đùng đùng,  
Một gươm Hoàng Diệm gan trung ai bì.  
Nghìn thu đề liếng Bắc-kỳ,  
Lánh nản trộm sống (2) kể chi những người (3).  
Cướp thành thu-thập tiền tài,  
Bấy giờ Tây chẳng xem ai ra gì.  
Lại đòi bảo-hộ mới kỳ,  
Dám làm uy phúc, khinh-khi quá chừng.  
Cả triều võ tướng vắn thần,  
Nhìn nhau lẳng-lặng biết rằng mưu chi.  
Phải lo phòng thủ cơ nghi,  
Giúp lánh còn cạy an nguy có trời.

## VUA DỤC-TÔNG MẤT

Xót thay Thánh chúa lo đời,  
Ôm lòng lưỡng những vắn dài thở than.  
Nước nhà muôn việc sửa-sang,  
Chứa lo nên bệnh thuốc-thang khôn bồi.  
Hóa-thành (4) đội đức dầm-dười,  
Ai là ai chẳng lạy trời thương vua.  
Tôi con đều dạ âu lo,  
Hết lòng cầu khẩn xin cho thọ trường.  
Trời kia sao nữ chẳng thương, ~  
Xe rồng vội giục vắn hương tếp vời.

(1) Long-thành tức là Thăng-long-thành hay là thành Hà-nội.

(2) Trộm sống là lấy nghĩa hai chữ *thâu sinh*, nói sống một cách không xứng đáng.

(3) Những người đây nói bọn án-sát Tôn thất Bá, đề-dốc Lê Văn Trinh và mấy lánh-binh bỏ trốn.

(4) Hóa thành 化成 là cái kết-quả tốt của chính hóa.

TỪ - DỤ THÁI - HẬU  
THƯƠNG CON

Tình thâm một phút rã-rời,  
Cảm thay Thánh-mẫu bảy-mười tác già.  
Than ôi như cắt ruột-rà,  
Thà cùng đều thác chẳng thà lòng đau.  
Sụt-sùi huyết lệ thấm bào,  
Một phen vĩnh biệt muôn thâu thăm sâu.  
Vâng lời di chúc để sau,  
Việc nhà việc nước lo âu dạn-dò.  
Ngùi trông mây toả Đỉnh-hồ (1),  
Chúa tôi đòi ngả bảo phò ấy ai.  
Than ôi đất rộng trời dài,  
Từ đây nào biết sự đời làm sao.  
Xót thâm vóc ngọc tuổi cao,  
Nhớ chùng, thường chẳng nhặng xao bi hoài.  
Trông khi dưới gối hôm mai,  
Rất lòng thành kính chẳng sai chẳng rời.  
Vãn cung Thuấn mộ (2) vẹn mười,  
Những mong lọn đạo, vâng vui ngày dài.  
Bởi đâu vật đổi sao dời,  
Tác tình chẳng toại, mệnh trời vầy vầy !

ĐỨC-ĐỘ CỦA  
VUA DỤC-TÔNG

Trị vì sáu sáu (3) năm chầy,  
Lòng nhân tính hiếu đức tày Thuấn Nghiêu.

(1) Đỉnh-hồ 鼎湖 là theo sách Sử-ký của Tư-mã Thiên, nói rằng :  
vua Hoàng-đế đức cái đỉnh ở núi Kinh-sơn, đỉnh đức xong, vua cỡi rồng  
lên cõi tiên. Người đời sau gọi chỗ ấy là Đỉnh-hồ và dùng tiếng ấy mà  
nói vua mất, tức là nói vua cỡi rồng lên tiên.

(2) Vãn cung Thuấn mộ 文恭舜墓 là vua Văn-vương hiếu-kính  
với cha mẹ, vua Thuấn yêu-mến cha mẹ.

(3) Sáu sáu là ba mươi sáu. Vua Dục-tông làm vua được 36 năm.

Tư trời học ít hay nhiều,  
Vạn cơ dư-hạ (1) chăm điều bút nghiên.  
Muốn cho ai cũng đều nên,  
Đặt làm sách-vở để khuyên dạy người.  
Chỉn là ngâm vịnh đủ tài,  
Lời châu tiếng ngọc trong đời ngợi khen.  
Rảnh thường dạo bắn giải phiên,  
E-dè trên, những sợ kiêng mười phần (2).  
Ngâm nên lệnh chúa hiền quân,  
Gặp tuần bỉ vạn, gian-truân khôn nài.

### KHÔNG CÓ CON, NUÔI CHÁU LÀM CON

Thừa hoan dưới gối không ai,  
Cớ sao riêng chịu thiệt-thời nỗi sau.  
Nhân Cao nghĩa Tống (?) khác đâu,  
Gót lán vắng trở luống sâu ưu phiên.  
Minh-linh (3) sớm phải chọn hiền,  
Hoàng-trừ ba vị (4) nuôi khuyên bù-trì.  
Sinh, nuôi nào có khác chi,  
Tác thành đều đội rộng suy ơn dày.  
Lượng trên há có riêng tây,  
Chỉn lo tông-xã sau này vững yên.

(1) *Dư-hạ* 餘暇 là nhàn-hạ. Nói vua Dục-tông khi rảnh việc nước thì làm văn-thơ và sách-vở.

(2) Vua Dục-tông hay đi bắn chim, nhưng sợ mẹ không dám ham-mê lắm.

(3) *Minh-linh* 螟蛉 là một thứ sâu, con tò-vò hay bắt đem về ổ để nuôi trứng của nó. Người ta không biết, nói rằng tò-vò nuôi sâu và gọi minh-linh là con nuôi.

(4) Vua Dục-tông không có con, nuôi ba người cháu làm con nuôi: trưởng là ông Dục-đức, phong Thụy-quốc-công, bị Trương và Thuyết truất không cho làm vua; thứ là ông Chính-mông, phong Kiên-giang quận-công, sau là vua Đồng-khánh; ba là ông Dư-ơng-thiện, sau là vua Kiến-phúc.

Vây bèn chọn kén dấng hiền,  
 Song mà thơ ấu chưa nên kể tri (1).  
 Trưởng quan vốn đã có vi,  
 Đi ều ưng vây phải tùy nghi trao cùng.  
 Một thiên di-chiếu tỏ lòng,  
 Giữ sau răn trước đủ trong mấy lời.  
 Nên, hư là hệ bởi trời,  
 Ở sao cho vẹn đạo người ấy vây.  
 Lại vì lựa kẻ chân tay,  
 Đặt quan Phụ-chính đề nay giúp phò.  
 Mọi điều trước dặn biểu cho,  
 Di-lưu (2) chẳng sót hãy lo việc đời.

## TƯỜNG VÀ THUYẾT

### BỎ TỰ-QUÂN

Tự quân chưa chính ngôi trời,  
 Chiếu thư lại cải quên lời sách xưa.  
 Văn-Tường, Tôn-Thuyết chẳng lơ,  
 Bắt chung lời ấy phỉn từ dấng tâu (3)  
 Trần công hờ-hững biết đâu.  
 Kim-dăng (4) giữ dạ ai cầu cho an.  
 Kỳ danh chẳng khứng (5) hợp đoàn,  
 Phải chung uổng sát họa mang vào mình.

(1) Ý nói vua Dực-tông muốn lập ông Dương-thiện, nhưng vì còn trẻ tuổi, cho nên không thay đời.

(2) *Di-lưu* 彌留 là nói bệnh nặng sắp chết, mà vua Dực-tông vẫn lo nghĩ đủ mọi việc.

(3) Khi làm lễ đọc di-chiếu, quan Phụ-chính Trần Tiến-Thành có đọc sai đi mấy câu, Tường và Thuyết vin lấy cớ ấy mà tâu lên bà Từ-dụ Thái-hậu, xin bỏ tự-quân và lập người khác.

(4) *Kim-dăng* 金膠 là buộc dây vàng. Lấy điển trong kinh Thư nói rằng: "Vua Vũ-vương đau nặng, Chu-công viết lời khấn xin chết thay, rồi đem bỏ vào cái hộp buộc dây vàng để không ai biết. Đây nói ý: giữ kín trong bụng."

(5) *Chẳng khứng* là do chữ *khững* 肯 là chịu, ưng-thuận.

TƯỜNG, THUYẾT XIN  
LẬP VUA HIỆP-HÒA

Thuyết, Tường đem chúng tâu trình.  
Xin tôn người khác yên tình thần dân.

Gửi (1) : « Nay quốc-vận đương truân  
Cầm quyền phải lựa trưởng quân mới dành.

Tùy nghi em nổi nghiệp anh,  
Đời xưa thường vậy, người lành ấy nên.

Lại rằng : sẵn có đấng hiền,  
Quốc-công Văn-lãng đáng truyền ngôi cao (2).»

Thánh-từ kinh dị xiết bao,  
Phải chẳng vậy biết, làm sao bây giờ.

Sụt-sùi châu-lệ tuôn mưa,  
Chẳng nghe sợ nổi đổ thừa về sau.

Vả chẳng xả-tắc làm đầu,  
Miễn cho yên-ôn, ai đâu (3) mà rằng.

Thầy đem ung dạ triều-thần,  
Thùy liêm (4) vậy phải trao phân tiếng vạng :

« Việc ngoài đều cậy các quan,  
Làm sao cho dặng vững an nước nhà.

Ta nay vả dự đàn-bà,  
Lại thêm lú-lần tuổi già tác cao.

Rất e những nổi Tây Tàu,  
Trong mà chẳng định, người âu quấy loạn ».

Các quan vâng lĩnh lời vàng,  
Xin phê y tấu truyền ban tức kỳ (5)

(1) *Gửi* là thưa, tâu.

(2) Bọn Tường và Thuyết tâu với bà Từ-dụ Thái-hậu xin lập Văn-lãng quốc-công là em vua Dực-tông lên làm vua, thay ông Hoàng-trừ Dực-đức.

(3) *Ai đâu* là nói : ai làm vua cũng là anh em trong nhà.

(4) *Thùy liêm* 垂簾 là buông màn. Lễ cổ khi người đàn-bà lâm triều thì phải bỏ màn màn xuống. Đây nói bà Từ-dụ lâm triều để truyền chỉ-dụ cho các quan.

(5) *Tức kỳ* có lẽ là *tức thì*, nhưng vì chữ *thì* là tên vua Dực-tông, nên mới kiêng mà đổi ra chữ *kỳ*.

Tồn nhùng người trước cố suy,  
Nhưng lời đã định dễ từ dặng vay.

PHAN ĐÌNH PHÙNG  
CAN, BỊ GIAM

Có quan ngự-sử tôi ngay,  
Phan đình Phùng gã thấy nay bất bình.  
Trước triều ra mới nói trình :  
« Tự-quân có trái lời lành, chưa can.  
Bèn gia lỗi ấy sao an (1),  
Ngàn thu để tiếng luận bàn về sau.  
Min (2) không sợ chết cúi đầu,  
Phát-minh lẽ thẳng ngõ hầu cùng nghe ».  
Thấy lời ai nấy sớn ghê,  
Sốt gan Tường, Thuyết truyền dè xiềng ngay.  
Dẫn ra ngục-thất giam vây,  
Uy dường sấm sét, ai rày dám phân.

VUA HIỆP-HÒA  
LÊN NGÔI

Váng theo bài yết tân quân,  
Trông xem chính lệnh xử phân thế nào.  
Đem ông Trừ-nhị (3) truyền giao,  
Giảng-đường (4) tạm ở ra vào giữ canh.  
Ưa ai đều dặng hiển vinh,  
Hưởng nhờ sang cả, phỉ tình mai nay.

---

(1) Ý nói : Tự-quân là ông Dục-đức có làm điều gì không phải, chưa có ai can ngăn, chưa đủ lấy điều ấy mà bắt lỗi được.

(2) *Min* là ta đây.

(3) *Trừ-nhị* 儲貳 là Hoàng Thái-tử, đây là nói ông Dục-đức.

(4) *Giảng-đường* tức là nhà học của ông Dục-đức, lúc ấy gọi là *Dục-đức giảng-đường*.



## QUÂN PHÁP VÀO ĐÁNH THUẬN-AN

Cầm quyền chưa đặng mấy ngày,  
Thuận-an lại thấy người Tây quấy rầy.  
Khôn nuông sức mạnh tài hay,  
Thành bền lũy cứng bỏ vầy chạy dài,  
Bởi vì ứng tiếp không ai,  
Uổng lâm hoành tử (1) thương người oan thay.  
Một cơn lửa dấy khói bay,  
Cả đoàn tướng sĩ thoát rày không phương.  
Lâm Hoành, Thúc Nhân (2) há thương,  
Dòng quyền lai-láng tưng đường liễu thân.  
Sa trường xót bấy quan quân;  
Tấm lòng vì nước muôn xuân danh ngời (3).  
Yết-hầu hiểm yếu mất rồi,  
Vi như nước vỡ bờ trôi biu bè.  
Lấy ai đột pháo xông xe,  
Cầu hòa phải quyết chịu bề nhận thua.  
Nào là những đảng trượng-phu,  
Ngày thường hay nể chẳng cho đánh bừa.  
Lâm cơ mặt ngảnh tai ngoạ,  
Miệng hùm gan sứa bấy giờ mới hay.  
Đã đành xếp mác bó tay,  
Hai-mươi-bảy khoản ước rày dám sai (4).  
Kinh-thành dầu đó tới lui,  
Cải-canh việc nước suy đồi từ nay.

(1) *Uổng lâm hoành-tử* 枉臨橫死 có nghĩa là *bất đắc kỳ tử*, đây nói những người đánh trận chết.

(2) Lúc ấy Hải-quân thiếu-tướng Courbet đi với viên Toàn-quyền Harmand vào đánh cửa Thuận-an. Thành Trấn-hải vỡ, quan ta là ông Lâm Hoành 林宏 và ông Trần Thúc Nhân 陳叔詡 nhảy xuống bể tự-tử.

(3) *Ngời* là sáng.

(4) Ký hòa-ước năm Quf-vị (1883) có 27 khoản do bên người Pháp có Harmand và de Champeaux và bên người Nam có Trần đình Túc và Nguyễn trọng Hợp ký.

THÁI-ĐỘ VUA HIỆP-HÒA  
ĐỐI VỚI VUA DỤC-TÔNG

Đặng yên mừng hãy chút may,  
Kíp lo sắm sửa định ngày ninh lãng (1).  
Bông đầu sinh chuyện bất bằng,  
Bấm-be (2) chẳng kinh dám rãng ly hoang.  
Lại rãng mắt cửa Thuận-an,  
Bởi vì ở trước vụng toan phòng nhàn (3).  
Lại truyền phò kẻ triều quan,  
Chế-cân chẳng đặng lập ban đứng chầu (4).  
Than thay chữa đặng bao lâu,  
Nỡ nào vội đã trước sau khác lòng.  
Lại nghe vu-hoặc cáo rong,  
Nặng lời quở trách khiêm-cung phi tần.  
Nghe ai mưu khử quyền thần,  
Sự-cơ bất mật, tai truân lập tùy (5).  
Đều là những sự quái phi (6),  
Chẳng gin lẽ nghĩa, phúc gì đặng lâu.  
Họa thai (7) bởi ấy rất mau,  
Sự sinh sinh sự há đâu bởi trời,  
Trưởng trông đau-đáu lòng người,  
Con vua chính vị dân trời thấy ưng.

(1) *Ninh lãng* là nói lo việc làm lễ táng vua Dục-tông.

(2) *Bấm-be* là chê-bai. Nói vua Hiệp-hòa chê-bai vua Dục-tông.

(3) *Phòng nhàn* 防閑 là ngăn-ngừa sự ra vào.

(4) Vua Hiệp-hòa không cho các quan mặc đồ đề tang vua Dục-tông vào chầu.

(5) Vua Hiệp-hòa quở trách phi tần của vua Dục-tông ở khiêm-cung rồi lại mưu trừ Trương và Thuyết cho nên mới gây ra mối họa cho mình.

(6) *Quái-phi* 乖非 là trái ngược.

(7) *Họa thai* là mầm họa.

TƯỜNG VÀ THUYẾT  
TÀU BÀ THÁI-HẬU  
BỎ VUA HIỆP-HÒA

Nhân cơ hai gã đại thần,  
Cũng rằng vì nước, cũng rằng vì thân.  
Đồng lòng ủng lập ấu quân,  
Toan mưu phé tri, só văn tàu bày (1).  
Tinh vừa bốn tháng mười ngày (2),  
Đặt lên cất xuống sự này tại ai ?  
Chúng quan tề tập quanh ngoài,  
Sớ dâng kể hết mọi lời vân-vây (3).  
Bởi lòng ở chẳng biết lời,  
Ngồi trên muôn cộ (4) ai vầy khứng theo.  
Chỉ lo nhà nước nghiêng nghèo,  
Làm tôi vạy phải quyết liều trước toan.  
Chịu thời đều đặn vẹn an,  
Người hay theo phép, dám can phạm gì.  
Đã vầy còn hã nói chi,  
Xin cho phiên phục lại về là may. (5)  
Lạy xin cứu mẹ con nay,  
Nghe lời người cũng xót thay những là.  
Phán rằng : « Sự ấy mặc ta,  
Có truyền ý-chỉ dám là chẳng vâng (6) ».  
Lãng-công nghe vạy, lòng mắng (7),  
Soạn đồ bảo ấn giao dâng tức kỳ.

(1) Tường và Thuyết làm só tàu bà Từ-dụ xin bỏ vua Hiệp-hòa.

(2) Vua Hiệp-hòa làm vua được có hơn bốn tháng.

(3) Vân-vây là lấy vãn, chính chữ là vãn-vi.

(4) Muôn cộ là dịch nghĩa chữ vạn thặng.

(5) Vua Hiệp-hòa xin về giữ chức làm tôi.

(6) Lời bà Từ-dụ nói.

(7) Câu này trong bản nôm đề : mắng lòng, nhưng đề chữ lòng ở cuối câu thì lạc vạy, cho nên đề là lòng mắng thì đúng vãn mà cũng không sai nghĩa.

Bèn ban ý-chỉ dụ tri :  
« Phu thần nay phải tuân y lời già,  
Sự này há bởi người ta,  
Nay dù có lỗi cũng tha mới đành.  
Hưởng đã chịu phép, phục tình,  
Rộng dung cho đảng toàn sinh thoái hồi »,  
Hai quan Phụ-chính vâng lời,  
Gửi : « Xin chực vông mời người kíp ra. »  
Sợ e đầu dảm dần-dà,  
Một đoàn hầu thiếp, cùng là con cháu.  
Ra vừa tới chốn thành đầu,  
Phủ ông Dục-Đức, truyền hầu vào ngay.

### GIẾT VUA HIỆP-HÒA ĐÃ THOÁI-VỊ VÀ ÒNG TRẦN TIẾN THÀNH

Mèo lừa gạt-gẫm khéo thay,  
Sân dành thuốc độc ép vầy giết tươi.  
Than ôi phúc họa nghĩ bài,  
Cũng vì phú-quí hại người thương thay !  
Quyền thần khinh mạn dường này,  
Có lời truyền trước, dảm rày cải sau.  
Vả đồng Phụ-chính với nhau,  
Trần-công chẳng thuận, đem mưu giết liền. (1)  
Làm cho rõ mặt uy quyền,  
Hắn tình hiếp-chế không kiêng đã rồi.

### LẬP VUA KIẾN-PHÚC

Tự-quân (2) lên rước phản hồi,  
Tịch-diễn hãy dọn tạm ngôi một khi.

(1) Trần Tiến Thành cùng với Nguyễn văn Tường và Tôn-thất Thuyết làm Phụ-chính, nhưng sau vì không đồng ý làm sự phế-lập, ông thôi quan về ở nhà tư. Bấy giờ sai người đến giết đi.

(2) Tự-quân lúc ấy là ông Dương-thiện, con nuôi thứ ba của vua Dục-tông.

Túc-thanh (1) cung điện hộ-trì,  
Mệnh quan quyền cát (2) cấp kỳ đăng quang.  
Trong người đều dạ hân hoan,  
Gâm xem thiên đạo tuần hoàn rất mau.  
Bấy giờ đặng toại sở cầu,  
Mặc-phò nhờ có trên đầu khiến xui.  
Tháng mười năm ấy Qui-mùi,  
Mồng-ba hiệp-cát (3) lên ngôi cầm quyền.  
Hiệu xưng Kiến-phúc kỷ nguyên,  
Trong ngoài yên định, dưới trên thuận tùy.  
Giúp trong nhờ có mẫu nghi (4),  
Ngoài thời thứ chức cơ nghi giữ-gìn.  
Ý thân lại lựa đấng hiền,  
Gia-hưng phụ-chính Chỉ truyền kính vâng.  
Nhưng cùng Pháp-quốc giao-lân,  
Cũng cho triều yết, cũng thân (5) ước điều.

### LÂM LỄ NINH LÃNG CHO VUA DỤC-TÔNG

Âu lo việc nước hã nhiều,  
Ninh-lãng đại lễ phải điều trước toan.  
Đến tuần tháng chạp công thoan (6),  
Mồng hai hiệp-cát nghinh sang bảo-thành (7).

### PHÁP SÁCH-NHIỀU MỌI ĐIỀU Ở HUẾ

Vừa rồi việc lớn lễ thành,  
Pháp-lan lại tới hứng hành sách yêu.

- 
- (1) *Túc thanh* 肅清: dọn dẹp chính tề.  
(2) *Quyên cát* 獨吉 là chọn ngày tốt lành.  
(3) *Hiệp cát* 協吉 là bói được ngày tốt.  
(4) *Mẫu-nghi* 母儀 đây là bà Từ-dụ thái-hậu.  
(5) *Thân* 申 là nhắc lại những điều ước.  
(6) *Công thoan* 工竣 là công việc xong rồi.  
(7) *Bảo-thành* là khiêm-eung, lãng vua Dục-tông.

Mấy nơi hiểm-yếu đất nhiều,  
Khiến nhòng đó ở, chẳng theo ắt ngày.  
Bình-đài (1) chiếm trước về tay,  
Kinh-thành hai mặt đất nay cũng nhòng.  
Mưu sâu cứ hiểm tự cường,  
Khiến ta lâm biển khôn đường giữ ngăn.  
Sợ oai dám nói phải chẳng,  
Om lòng vượt dạ ăn-năn thêm sâu.  
Lại hiểm tông-phục người Tàu,  
Vua Tàu phong ấn, truyền mau nộp rày.  
Lửa gần rất khổ nổi Tây,  
Nước xa để đợi Tàu hay (2) còn gì.  
Phải đem ấn nọ nộp đi,  
Tây liền tiêu-hủy chẳng vì chẳng phân.  
Quan ta ai dám nói rằng,  
Mặt nhìn miệng cũng ngập-ngừng chân lui.

### QUYỀN THẦN HOÀN-H HẠNH TRONG KINH

Nôi Tây lẩn hiếp đã rồi,  
Nôi mình lẩn hiếp nghĩ thôi rất kỳ.  
Chẳng qua gặp buổi suy-vi,  
Hoàng thân quốc thích gian-nguy khôn cùng.  
Ở đời chẳng giữ đạo trung,  
Xu viêm phụ nhiệt (3) những mong sang quyền  
Gặp khi đến lúc ngả nghiêng,  
Người nghèo, ắt cũng lụy liên tới mình.

(1) Bình-dài 平臺 là tên gọi Mang-cá ở thành Huế.

(2) Tác giả không biết tình thế nước Tàu lúc ấy cũng nguy-ngập lắm. Dầu có biết tình thế nước Việt-nam, thì cũng đến kỳ hiệp-ước với nước Pháp ở Thiên-tân là cùng.

(3) Xu viêm phụ nhiệt 趨炎附熱 là chạy đến chỗ lửa nóng, nương-tựa chỗ nóng ấm, tức là nói người siểm nịnh.

Lang-công xây gập bất-bình,  
 Quốc-công Tuy-ly thất-kinh lo lương.  
 Sợ rằng bày đảng tội mang,  
 Tồi cầu Pháp-quốc giải nạn họa may.  
 Nào hay Tây chẳng nạp rày,  
 Phải về chịu phép thoát nay không đường.  
 Một nhà thầy bị giam phòng (1),  
 Ông Phong, Ông Hải cũng mang tai-nàn.  
 Hường Phi, Hường Giáp hai chàng,  
 Đều tra thuốc độc chẳng khoan nỡ lòng.  
 Ngạnh cường chẳng khứng phục tông,  
 Kỳ-anh-công cũng theo vòng chết oan.  
 Thương thay lá ngọc cành vàng,  
 Vì sao nên nổi lạc ràng khổ thay?  
 Bảo thân phải có chước hay,  
 Thời chi đến nổi họa lây lửa thành (2).  
 Sợ lo ai nấy giữ mình,  
 Ai làm nguy khổ oan tình mặc ai.  
 Kêu-rêu nào dễ thấu trời,  
 Đã đành chậu úp khôn soi chốn mờ.  
 Vua thời còn hãy ấu thơ,  
 Mặc lòng sinh sát bắt tha uy quyền.  
 Tiếm dùng nghi-vệ chẳng kiêng,  
 Lung-lãng ngấp-nghe ý riêng đã bày.  
 Binh quyền trao kẻ chân tay,  
 Mỏ quân Phấn-nghiã để nay hộ mình.  
 Hường Chuyên lại với Hường Thành,  
 Vốn cùng mưu mật nữ đành giết oan,  
 Chút hờn chẳng khứng nhiều khoan (3)  
 Đãi người luống những bạo tàn nghi sai (4).

(1) Văn phòng không hợp vận với văn đường và văn mang.

(2) Họa lây lửa thành cũng như nói: cháy thành và lây.

(3) Nghiên-khoan 饒寬 cũng như khoan-dung.

(4) Nghi-sai 疑猜 là ngờ-vực. Ý nói Tôn-thất Thuyết đa nghi hay giết người.

Pháp tiền (1) dân chẳng vâng lời.  
 Phở-phường chợ búa bời bời dầy la.  
 Uy hành cấm trấp hỏi tra,  
 Song dân chẳng phục đức la thêm ồn.  
 Phải dùng ý chỉ cam ngôn (2),  
 Khâm tuân phủ dụ biết tôn biết vi (3).  
 Gẫm xem việc nước suy-vi,  
 Cũng vì hối hóa (4) tiền kia thông đồng.  
 Làm tội chẳng giữ sạch trong,  
 Phi gia ích kỷ thừa lòng làm sao.  
 Vả rằng nhà nước tổn hao,  
 Chung nay tế-tự thể nào cũng nên.  
 Thọ-xuân-vương cũng hòa khen,  
 Bèn bày tâu lễ giảm quyền (5) quá chừng.  
 Thánh xưa lời để dạy răn,  
 Mắt dê mắt lã ấy rằng sao nên.  
 Đều là chính lệnh quai khiên (6),  
 Đưa ngu chịu tội người hiền lánh thân.  
 Đành lòng trông đợi ấu quân,  
 Lớn khôn sửa trị họa chẳng sau này.

### VUA KIẾN-PHÚC MẮT

Nào ngờ nhiều nỗi chẳng may,  
 Trị vì sáu tháng bệnh rày lại mang.  
 Hết lòng khẩn-vái thuốc thang,  
 Gẫm âu số mệnh đành khôn cãi trời (7).

- (1) *Pháp tiền* là *tiền sênh* đúc theo niên-hiệu Tự-đức mỏng và xấu.
- (2) Phải dùng ý chỉ nhà vua mà phủ dụ nhân-dân.
- (3) *Khâm tuân phủ-dụ* 欽遵撫諭: kính theo người trên mà phủ dụ người dưới.
- (4) *Hối-hóa* 賄貨 là của cải vàng lụa v. v... Ý nói lấy hối-lộ rồi bắt dân tiêu tiền sênh.
- (5) *Giảm quyền* 減權 là bỏ bớt. Bỏ bớt các lễ tế-tự.
- (6) *Quai khiên* 乖愆 là trái ngược, sai lầm.
- (7) Câu này chắc là chép sai thành ra lạc vận.



Nương mây phút sớm tềch vời,  
Năm Thân tháng sáu rung rời cảnh xuân (1).  
Tường àn quyền cổ truân truân (2),  
Mười phân báo bổ chứt phân chưa dền.  
Luống làm tiện việc chẳng kiêng,  
Bồi lãng nay cũng phục bèn cấm thành (3).

TƯỜNG VÀ THUYẾT  
NÓI CÓ DI - CHIẾU  
LẬP ÔNG ỨNG LỊCH

Nghĩ đời nhiều chuyện trá-trênh,  
Bông đầu lại có sự sinh đường này.  
Di ngôn cũng có lời nay,  
Cũng là niên thiếu em rày dám trao.  
Thật chẳng đường dễ biết bao,  
Nghe rằng di chúc truyền giao phụ-thần.  
Kỳ-anh lại vớ Gia-hung,  
Đem lời phải chẳng phân trần tâu qua.  
Phán rằng : « Việc có quan gia,  
Đề xem triều-sĩ nói ra thế nào ».  
Nóng lòng can nghĩ không nao,  
Phén dày đã dễ mèò quào đặng vay.  
Tiên mưu vốn đã định rày,  
Luống là chác họa chẳng hay giữ mình.

---

(1) Vua Kiến-phúc mất, có một điều rất bí-ẩn, là người ta nói rằng : Ngài mắc bệnh đậu mùa, nằm trong điện, đêm nghe tiếng giày đi. Ngài hỏi ai đi đó, thì thấy Nguyễn văn Tường tâu rằng : « Tôi ». Ngài quả rằng : « Đêm hôm thấy vào làm gì trong cung ? ». Tường không nói gì, rồi sáng hôm sau thì vua Kiến-phúc mất. Người ta nghi là Tường cho thuốc độc giết vua. Việc này chưa rõ thực hư thế nào, nhưng cũng ghi vào đây đề làm một chuyện đáng ngờ.

(2) *Truân-truân* 諄諄 là săn-sóc dặn-dò.

(3) Nói vua Kiến-phúc mất không có lãng riêng, chỉ đề bên cạnh lãng vua Dục-tông.

Lượng trên há chẳng thấu tình,  
Chin lo rối-loạn triều-đình khôn an.  
Dụ truyền : « Di-chúc có ban,  
Bảo-phò phó mặc các quan lo lường ».  
Mừng đà quốc bính quyền đương (1),  
Lầm phò thiếu chúa chi màng trưởng quán.  
Ăn-vi việc ấy khôn phân,  
Cơ-quan quý-quyết ai chẳng lắc đầu.  
Chẳng lo nghị-luận về sau,  
Cảnh kia cõi nọ chấp nhau là dường.  
Đề lòng ai dám nói bàn,  
Việc Đình-Phùng đó ngay can ích gì.  
Cùng nhau vâng thuận một bề,  
Hãy xem việc nước yên nguy sau này.

## VUA HÀM-NGHI

### LÊN NGÔI

Tôn vương bèn mới chọn ngày,  
Hàm-nghi niên-hiệu ban ngay trong ngoài.  
Lập triều bái hạ đủ người,  
Kỳ-anh thiếu mặt khen tài cả gan.  
Vây nên đến nỗi chết oan,  
Râu hùm vượt ngược phòng toan khỏi vào.  
Làm cho thiên-hạ trông vào,  
Hoang thân còn vậy, hưởng bao những người.  
Kinh tâm ai chẳng nép oai,  
Người Tây thấy trái thử chơi buông lời :  
« Làm vua há chẳng có người,  
Mà đem con trẻ thay ngôi cầm quyền.  
Gia-hưng tác lớn đức hiền,  
Chung nay sửa trị lý nên ủng phò ».

(1) Đây là nói bọn quyền-thần đặc-ý, lập thiếu chúa để được giữ quyền bính.

Yên tình lời thử họa cho,  
Nên hư há đó, âu lo việc mình.  
Nghe rằng san sát hải kinh,  
Khéo lời ngon ngọt, khoe đành dạ thừa.  
Èm tai Tây mới lấp ngơ,  
Ứng phù triều yết như xưa vô về.

### GIẾT ÔNG DỤC-ĐỨC VÀ CÁC HOÀNG THÂN

Đã yên việc nội Tây kia,  
Bấy giờ mấy kẻ hiềm-nghi lo trừ.  
Thương ông Dục-đức Hoàng-trừ,  
Đã yên thân phận chẳng nhờ khoan ân.  
Vu cho bè-đảng phỉ nhân,  
U-giam cấm-cố, nghiêm răn canh giờ.  
Nước cơm cấm chẳng cho đưa,  
Làm cho sáu-tử (1) chẳng chờ sắc ban.  
Xót thăm quân lính thở than,  
Giấu đem ăn uống đỡ đường khát khao.  
Quyền thần sâu hiềm đường nào,  
Bèn trao thuốc độc đổ vào chết mau.  
Oan tình ai chẳng mảy chau,  
Một ngài Thái-hậu thăm sâu chi nguôi.  
Rằng không kiêng-vị thì thôi,  
Phải chẳng phó mặc có trời với ai.  
Thụy-công trước đã tính rồi,  
Gia-hung-công cũng họa lai tới tuần.  
Chưa quen cây dựa thân thần,  
Làm cho biết mặt kéo chẳng kiêng dè.  
Bởi người chẳng biết giữ e,  
Họa sinh trước mặt sắc mê trong lòng.

(1) Sáu-tử 瘦死 là chết mòn.

Đề cho đến đôi mắt vòng,  
Bắt chung lối ấy, khôn mong khỏi nào.  
Truyền thu chức tước mạo bào,  
Cải tông mậu tính ải Lao lưu hình (1).  
Thành-từ nghe rất thương tình,  
Rằng : « Làm thái quá không đành lòng ta ».  
Vả chẳng phép trị trong nhà,  
Chẳng nên bài bỏ người ta chê cười.  
Tước quyền thầy đã cất rồi,  
Khá cho giữ phận ngõ coi sửa mình.  
Phiến tâu rằng : « Phép dù khinh,  
Át là khôn nổi hóa hành trị nhân.  
Phải lo biết phép nghiêm răn,  
Sau nhờ khoan xá lần lần cũng tha ».  
Luống đem pháp luật dở ra,  
Dẫu lời truyền dụ ai mà khứng tuân.  
Xưa nay hễ việc quyền thần,  
Đã châm ắt quyết nói-năng dặng nào.  
Một người dày chổn ải Lao,  
Một người ngục thất đem giao giam cầm.  
Thấy thôi, ai cũng kinh tâm,  
Phép làm thái quá, chi lắm thương tàn.  
Thà rằng một giắc cho an,  
Chẳng thà chịu nhục tân toan (2) ở đời.  
Phòng sau chẵn trước chẳng lời,  
Việc người đường ấy, đạo trời đường bao.

LÂM LÊ TẤN TÔN BÀ  
TÙ-DỰ THÁI-HẬU

Tấn tôn lo việc lớn lao,  
Gửi rằng : « Di-chiếu chúc trao lời vàng.

(1) Bất đời lấy họ mẹ và dày đi ải Lao-bảo.  
(2) Tân toan 辛酸 là cay chua, khổ-sờ.

Bấy nay quốc sự vùn mang,  
Đề lâu chậm-trễ không an tắc lòng ».

Phán rằng : « Ấy hãy thông-dong,  
Phải lo việc nước cho xong mới đành ».

Vua tôi tàu gửi hết tình,  
Xin cho việc ấy cử hành trước đi.

Hết lời khôn lẽ cố-vi (1),  
Tháng ba năm Dậu cát kỳ tấn tôn.

Dụ rằng : « Bày việc thêm buồn,  
Rằng noi lễ trước, nhịn tuồng đa nghi (2).

Các nơi lễ phẩm tha đi,  
Lễ lòng cũng chẳng chút gì dụng dẫu ».

Nghे truyền tôi chúa lo sâu,  
Tái tam lay-lục xin thâu tổn thành (3).

Lượng trên người chẳng vui tình,  
Dẫu nhiều hay nhẽ chẳng đành đoãn du (4).

Vì lời di-chức phải cho,  
Ăn ban cứ lệ, đàm phu xa gần (5).

Bốn phương trăm họ vui mừng,  
Chúc cầu thánh thọ muôn xuân tuổi dài.

### PHÁP LẠI UY-HIỆP, TÔN-THẤT THUYẾT ĐỊNH CHỐNG LẠI

Việc tôn vừa mới thành-thời,  
Cây oai Tây lại dỡ bài mạn khinh.  
Khiến mau súng dẹp trên thành,

(1) Cố vi 固違 là cố ý làm trái.

(2) Đa nghi 多儀 là bày vẽ lễ-nghi rườm-rà.

(3) Tổn thành là chút lòng thành.

(4) Đoãn du 允俞 là cho được.

(5) Đàm phu 覃敷 là ơn vua mở rộng.

Với nơi Mang-cá tận hành ban đi (1).  
 Nếu mà chấp nhất chẳng nghe,  
 Gây ra hấn khích chửi e nan trị.  
 Hiếp lẫn Tây đã chẳng vì,  
 Chọc gan Tôn-Thuyết chiến kỵ (2) quyết rày.  
 Huống chi địa chấn diễm bày,  
 Trời đã khiến vậy ta nay sợ gì.  
 Phen này phần lực đương uy,  
 Truyền quân com gạo sắm đi sẵn-sàng.  
 Văn-Tường khôn nổi khuyên can,  
 Nghĩ làm lời dụ xin ban giải hòa.  
 Dụ rằng : «Hãy chịu vậy là,  
 Ý lời ngõ đặng thuận hòa mới an.  
 Bằng còn ý thể quá ngang,  
 Thời ta sẽ liệu quyết đường hơn thua».  
 Ân-cần dụ chỉ phân phó,  
 Vàng nghe tam hãy để cho yên rày.  
 Riêng lo e việc chẳng may,  
 Đất bằng sông dẫy có ngày tai ương.

**LẬP ĐỒN TÁN SỞ**

Viên đồ trước mới liệu phương,  
 Lập nơi Tán-sở (3) tỉnh đường vững chân.  
 Bao nhiêu bảo vật kim ngân,  
 Chất vào đài gánh dần dần đem đi.  
 Chỉn là thân mật cơ nghi,  
 Việc làm rồi mới tấu tri Thánh-từ.  
 Dụ : «Nay nhà nước gian nguy,  
 Cũng nhờ Phụ-chính trước vì lo toan.

(1) Ban đi 搬移 là dời dọn đi chỗ khác.  
 (2) Chính âm là kỵ, nhưng ta thường đọc là cơ.  
 (3) Tán-sở là cái đồn Tôn-thất Thuyết mới lập ở gần Cam-lộ thuộc tỉnh Quảng-trị, để làm căn cứ chống Pháp, nhưng chẳng được bao lâu lại bỏ chạy.

Sao cho xã-tắc điện-an (1),  
Ấy là chẳng phụ Tiên-hoàng thác cò.  
Gửi rằng : « Hết sức mưu lo,  
Biến thông tùy thế hãy dò lần theo.  
Bằng nay rất đôi cheo-leo,  
Chống xe tay châu nghĩ điều chắc chi».

## THÔNG-TUỞNG DE COURCY VÀO HUẾ

Những lo bàn bạc cơ nghi,  
Tháng năm mười-chín Bắc-kỳ Tây vô (2).  
Tin truyền trước dọn lộ-đồ (3),  
Lại cùng vét bến chực dò sửa-sang.  
Rằng : Nay tới yết quân vương,  
Đem thư tặng hiếu ngỏ tường giao lân.  
Tới nơi sứ quán (4) dừng chân,  
Mời hai Phụ-chính đến phân sự tình.  
Văn-Tường trước tới một mình,  
Trình rằng Tôn-Thuyết chưa lành bệnh nay.  
Nghe lời ấy, đó đã hay,  
Rằng đau phải gắng tới rày mới nghe.  
Nếu mà cứ cưỡng không đi,  
Quyết rày bắt quách chẳng vì chẳng tha.  
Cả triều kinh hãi lo ba,  
Nay mà chẳng thuận ắt ra sự rày.  
Cùng nhau kịp tới khuyên nài,  
Xin vì nhà nước đặng may khỏi nghèo.

(1) Điện-an 奠安 là bến vững, yên ổn.

(2) Tướng de Courcy vào Huế.

(3) Lộ-đồ là đường sá.

(4) Sứ-quán sau là dinh khám-sứ ở Huế.

## TÔN-THẤT THUYẾT ĐÁNH QUÂN PHÁP

Khuyên can chúng thấy hết diên,  
Cắt thằm, Tôn-Thuyết dấy liễu nửa đêm.  
Phen này may rủi thử xem,  
Đã đành cô-chú (1) quyết đem đánh vầy.  
Chẳng cho ai biết ai hay,  
Cũng chẳng tẩu đạt, một tay thiện hành (2).  
Chiến công đều Phấn-nghĩa binh,  
Chín dưng những phúc tâm mình mà thôi.  
Chắc gì bẻ nạng chống trời,  
Hay là làm chước thoát nơi lửa thành.  
Hay làm bất ý thành-linh,  
Họa là may dặng công thành tiên ky.  
Thất kinh ai nấy hồn phi,  
Đêm khuya nào biết sự thì làm sao.  
Quanh co hơ-hải cùng nhau,  
Lệnh truyền thách cửa hỏi mau cho tường.  
Giờ lâu mới thấy gửi sang,  
Rằng nguyên ở đó thị cường bản lên.  
Ta nay không lẽ điềm nhiên,  
Phải toan cự địch, hư nên (3) nhờ trời.  
Ầm ầm tiếng súng khắp vời,  
Khói um mù đất, lửa ngời lò mây.  
Canh tư thắng phụ chưa hay,  
Canh năm nghe báo rất may mừng lòng.  
Bình-dài thu phục đã xong,  
Lầu Tây đương đốt, lửa chong bốn bề.  
Phen này Tây ắt phải về,

(1) Cô chú 孤注 là một thành-ngữ nói có bao nhiêu tiền đem đánh bạc một tiếng cuối cùng để quyết được thua.

(2) Thiện-hành 擅行 là tự chuyên làm việc gì.

(3) Hư nên là thắng bại.



Ngửa nhờ trời đất phù-trì lắm thay (1).

Nói cười chưa kịp trở tay,  
Phút liền súng nổ đạn bay kinh hồn.

Ai ngờ Tây rất quá khôn,  
Đề ta bắn trước thầy luôn nấp đi.

Ơ ta đại chẳng biết ky (2),  
Nhưng mà hết sức dương uy bắn dồn.

Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,  
Dấy lên Tây mới thành môn bắn vào.

Dường như sấm sét âm-ào,  
Dâu là núi cũng phải nao hướng thành.

Quân ta khôn sức đua tranh,  
Đem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.

Bấy giờ trời đã sáng rồi,  
Văn-Trường liền khiến gửi lời tâu xin.

Khiêm-cung nay phải ngự lên,  
Lánh nơi pháo đạn chẳng nên trẽ-tràng.

### XA-GIÁ XUẤT NGOẠI

Vua tôi hoảng hốt vội-vàng,  
Hỗ-phù Thánh-giá một đoàn kíp ra.

Tới nơi cửa hữu xem qua,  
Hai bên lê-thứ trẻ già quá đông.

Chen nhau diu-dắt mang bông,  
Chực theo Từ-giá (3) thoát vòng nguy nan.

Thấy người trước đón lên đường,  
Gửi rằng có Nguyễn văn Trường chực đây.

(1) Đó là một sự mơ-tưởng, đem sự mong-muốn của mình mà diễn ra như là sự thực, chứ lúc bấy giờ đang ban đêm Tây nấp, không ra đánh, sao mà biết là được thua? Sáng ngày Tây tấn-công thì quân của Tôn-Thất Thuyết vỡ tan.

(2) Ky ta thường đọc là cừ.

(3) Từ-giá là xa giá bà Từ-dự Thái hoàng Thái hậu.

Phán rằng : « Sự đã đường này,  
Người tua (1) ở lại ngổ rày xử phân ».

Vâng lời Tường mời lui chân,  
Giá (2) ra khỏi cửa, dân lần dôi theo.

Thoát trông rất đôi nghiêng-nghèo,  
Gương huy trước mặt người xiêu bên đường.

Những mong thoát chốn tai ương,  
Lần theo chẳng tưởng chạy băng đạp vầy.

Trẻ già la khóc vang rầy,  
Xa trông mù-mịt, khói bay lửa hồng.

Chặt cầu đốt quán tung-bùng,  
Là mưu Tôn-Thuyết dứt chừng truy binh.

Than thay dân sự tan tành,  
Loan ly mới biết thảm tình nổi này.

Kim-long vừa mới tới nơi,  
Rón xin dừng lại, đạo nay có lòng (3).

Song mà ai khứng tin cùng,  
Chỉ đường Hồ Hiền thẳng dong giục truyền.

Kip hầu bốn giá (4) đi liền,  
Đến nơi Thiên-mỗ dò thuyền vắng tanh.

Đánh thua, Tôn-Thuyết hậu hành,  
Giục truyền hầu giá lui quanh trở đường.

Trường-thi chốn ấy sẵn-sàng,  
Hầu ngài tới đó tạm an sẽ bàn.

Là vị ý gã dõc toan,  
Hầu ra Tân-sở liệu phương phục-thù.

Các quan những kẻ theo phò,  
Sợ oai vãng mệnh dám mô cãi lời.

(1) Tua là do chữ tu là nêu đọc trạch ra.

(2) Giá đây nói xe-giá của các bà và vua.

(3) Lang Kim-long, thường gọi là Kim-luong ở gần thành Huế, dân làng ấy theo đạo Da-lô.

(4) Bốn giá là : giá bà Từ-dụ Thái-hoàng Thái-hậu ; giá vợ cả vua Dục-tông và mẹ nuôi ông hoàng-trừ Dục-dức ; giá bà vợ thứ vua Dục-tông và mẹ nuôi vua Kiến-phúc ; giá vua Hàm-nghi.

Xé trưa đi mời tới nơi,  
 Tôi đòi chạy dôi rã-rời tay chân.  
 Và thêm đói khát quá chừng,  
 Lơ-làng hăm-hút cũng dằng tạm dùng.  
 Cơm thô chút hãy đỡ lòng,  
 Mời rồi lại thấy dòng dòng hối đi.  
 Rằng Tây đuổi tới sau kia,  
 Nếu mà chậm bước khôn đi khỏi vòng.  
 Xảy nghe chi xiết hãi-hùng,  
 Giá sau kiện trước băng đồng ruổi mau.  
 Đi tuồng hơn một giờ lâu,  
 Tới nơi Văn-xá xin hầu vào đây.  
 Từ-đường Thích-ly chốn này,  
 Nghi quân đỡ mệt một dây tam đình.  
 Giám-từ vô-vã sấm-sanh,  
 Dáng cần (1) chưa kịp phỉ tình tôi con.  
 Lại nghe xao-xác nói ồn,  
 Trường-thi bị đốt Tây giồn tới nơi.  
 Phải hầu ngự giá kịp đời,  
 Một đoàn tôi chúa tểch vờ nhật dong.  
 Mấy người yếu đuối ấu xung (2),  
 Thấy đều lạc hậu khôn mong tiến tiền.  
 Dắt dìu đói khát ngã nghiêng,  
 Trông theo kịp giá truân chiên (3) chi nài.  
 Đến làng vừa đã tối trời,  
 Giọng nhà Bá-hộ đề ngài nghỉ-ngơi.  
 Dân mà có dạ hân-hoi,  
 Giọng bày cơm nước đãi mời quan quân.  
 Mờ mờ truyền kịp đời chân,  
 Đến nơi tự-quán (4) vừa chừng buổi trưa.

(1) *Dáng cần* là dáng chút lễ thành.

(2) *Ấu-xung* 幼冲 là trẻ thơ.

(3) *Truân-chiên* 屯邊 là khó-khăn không tiến lên được.

(4) *Tự-quán* 寺觀 là đền chùa.

Nghỉ chân com nước một giờ,  
Qua nơi huyện Hải, huyện-thừa chức nghênh,  
Kinh dâng mọi sấm lễ sinh,  
Lựa phu cắt việc hộ-hành thẳng ra,  
Mấy nơi làng xóm trái qua,  
Tấm lòng cần bọc đều ra dâng thành.

### XA-GIÁ ĐẼN QUẢNG-TRỊ

Xiết bao đường sá gập ghềnh,  
Ngày hai-mươi-bốn Trị thành tới nơi.  
Hành-cung giọng chồn nghỉ ngơi,  
Tỉnh thần Trương Đản truyền coi canh giờ.  
Mông trần (1) lao khổ tiệp thư (2),  
Lần nghe tin tức kinh sư đường nào.  
Văn-Tường mấy thứ sớ trao,  
Thấy đều giấu-diếm chẳng tau sự tình.  
Hỗ-tòng Phan Hiền, Đễ, Hanh,  
Lại cùng Nguyễn Phổ, Lương Thành theo sau.  
Luận bàn lưỡng những lo âu,  
Chẳng qua mình lại họa nhau ngoa truyền.  
Gửi xin Tản-sở kip lên,  
Ở đây thế ắt chẳng nên đầu lạ.  
Trái tai Thái-hậu tàu qua :  
« Đi đầu cho nhọc chẳng thà ở đây.  
Dầu mà Tây có tới nay,  
Đã đành sống chết rủi may nhờ trời.  
Nguồn cao nước độc xa vôi,  
Nỡ đem tuổi tác tới nơi hiểm nghèo ».  
Phán rằng : « Ta vốn đã liều,  
Hướng đem xách cả đi theo thêm phiền.  
Hãy phò thiếu chúa cho yên,  
Mặc ai ở lại chỉ truyền khá vắng ».

(1) *Mông trần* 蒙塵 là bị long-đong vất-vả.

(2) *Tiệp thư* 漸舒 là tạm nguôi.

TÔN-THẤT THUYẾT ĐỀ  
CÁC BÀ Ở LẠI VÀ  
ĐEM VUA HÀM-NGHI ĐI

Sợ e nin chẳng dám rằng,  
Vài ngày lại thấy băng-xăng chớn nhàn.  
Rằng : « Tàu tây tới biển giang,  
Xin hầu chúa thượng kịp toan tiến hành ».  
Nghe lời cũng dạ hải kinh,  
Ngập-ngừng thiếu chúa bái trình xin đi.  
Khôn cầm nước mắt biệt ly,  
Ăn-cần huấn dụ khá ghi trong lòng.  
Dặn-dò lời nọ chưa cùng,  
Gửi đôn xin chớ thông-dong trê-tràng.  
Ta từ lên vông vọi-vàng,  
Quan quân ủng-vệ trông đường ruổi mau.  
Khỏi cung dặng một giờ lâu,  
Trở về các giám (1) cùng nhau tâu quy.  
Rằng : « Tôn-Thuyết chẳng cho đi,  
Khiến đều ở lại hộ tùy ba cung.

ĐƯỢC TIN NGUYỄN  
VĂN TƯỜNG

Hãy đương tin tức trông mong,  
Bỗng đã có thấy sóng phong dâng vào.  
Ngày hai-mươi-ba mới trao,  
Văn-Tường nhắn gửi : « Xin mau phản hồi.  
Chiêu-an các việc xong rồi,  
Pháp quan khiến khá hầu ngài hồi loan (2).  
Thành-trị đều thấy giao hoàn,  
Xin làm Bảo-hộ ngõ toan giúp phò ».

(1) *Giám* là các quan thị hầu vua ở trong cung.

(2) *Hồi-loan* là xa-giá trở về.

Phán rằng : « Lý ấy có mô,  
Họa là trời xuống phúc chọ chẳng là,  
Vả nay chứa-thượng đời xa,  
Phải đời trở lại cùng ta đồng đoan ».  
Bền sai thị-vệ bằng ngàn,  
Tin cho đặng biết phải toan gấp hồi.  
Tiếp liền Tôn-Thuyết tư-lai,  
Trách rằng : « Các gã lầm lời Nguyễn-Văn,  
Đã không biết lý phải chẳng,  
Một lòng cùng giặc gian thần mà nghe,  
Nếu mà nghe thừa lời kia,  
Này gươm ba thước quyết lia chẳng dung ».  
Các quan san-sát hải-hùng,  
Tờ lui hai ngả đều cùng phải e.  
Kể theo Tôn-Thuyết một phe,  
Bàn rằng việc ấy phải dè chưa tin.  
Ngày ba-mươi lại tiếp liền,  
Văn-Trường sở giục kịp xin phản hoàn.  
Thánh lâm quyết định mới troàn :  
« Chúng ngươi tua khá liệu toan rước về (1).  
Nói chi thời cũng chớ nghe,  
Vâng ta ý-chỉ sợ gì đó vay.  
Các quan vâng mệnh lo thay,  
Một người Trương Đễ gửi rày xin đi.  
Ba ngày trông chẳng thấy chi,  
Hắn là có ý diên-trì mạn-khinh.  
Vì người mưu sự chẳng thành,  
Lại toan kiếm chước giữ mình lánh xa.  
Nếu mà chờ đợi dần-dà,  
Thất cơ e nổi việc ra khó lòng.  
Bền truyền chúng thủy hội đồng,  
Phải lo hộ giá lưỡng cung tiên hồi.

(1) Ý nói phải tìm cách rước vua Hàm-nghi về.

Nay ta về trước thử coi,  
Đường nào rồi sẽ liệu bài rước vua.  
Các quan nghe lệnh sợ lo,  
Xin vâng thánh chỉ dám mò trê-tràng.  
Nguyễn Hanh ý hãy nói bàn :  
Nay về tua phải lên đường nửa đêm.  
Mới là thận-mật khỏi hiểm .  
Thoảng qua đã biết lòng tiềm dị mưu.  
Quở rằng : « Tăm tối đi đâu ?  
Hay là người tính khác nhau lý nào.  
Không nghe xem thử làm sao,  
Lập mưu yên kiết (1) há nào lạ chi »,  
Thấy lời Thái-hậu sinh nghi,  
Cúi đầu chịu quở lánh đi một bề.

### XA - GIÁ TAM - CUNG TRỞ VỀ KHIÊM-LĂNG

Quan quân sắm sửa hầu về,  
Đến ngày mừng bốn hội tề hồi loan.  
Tĩnh thần Trương Đản hồ hoàn,  
Khuếch-thanh tắt đạo (2) một đoàn thẳng võ.  
Trải qua làng-mạc chỗ mô,  
Trẻ già hơn-hở mừng vua lại về.  
Mừng năm mới tới kinh-kỳ,  
Vào nhà Thích-ly một khi tạm dừng.  
Thiền (3) rồi khởi giá tiến hành,  
Đoái xem phong cảnh động tình cảm thương.  
Khiêm-lăng lên thẳng một đường,  
Quạnh-hiu cung điện khói-hương lạnh-lùng.  
Ngẫm coi chi xiết đau lòng,  
Khôn cảm châu-lệ rờn rờn tuôn rơi.

(1) Yên kiết 邀劫 là bắt bí và dùng sức mà bắt ép.

(2) Khuếch thanh tắt đạo 廓清蹕道 là dọn sạch đường vua đi.

(3) Thiền 膳 là tiếng ở trong cung, nói vua ăn cơm.

Bồng dâu bèo nổi sóng trôi,  
Tan rời lại hợp ở trời khiến vay.  
Cũng nhờ đứn cả cao dày,  
Cát nhân thiên tướng (1) ắt rày vững an.  
Trùng phùng xiết nỗi bi-hoan,  
Khang cường mừng thấy, gian-nan chi nài.  
Khiêm-cung may đặng phục hồi,  
Từ đây sống chết chẳng rời chẳng xa.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG

XIN THÁI - HẬU HÃY

TẠM THỈNH - CHÍNH

Thỉnh an Phụ-chính (2) tâu qua,  
Còn như việc nước rồi ta sẽ bày.  
Sớ dâng kể việc bấy nay,  
Cầm quyền xin phải tạm rày thùy liêm.  
Ngỏ cho việc nước đặng êm,  
Lần-hồi sau hãy rước tìm ấu quân.  
Phiến từ mọi việc đều dâng,  
Dám xin ý chỉ khâm tuân thi-hành.

QUÂN CẢN - VƯƠNG

NỔI LÊN Ở MỌI NƠI

Giận Tây dân chẳng phục tình,  
Vấn thân (3) mấy đạo tranh hành giết nhau.  
Thừa cơ phá huyện cướp châu,  
Lâm cho lê thứ lo âu nghiêng nghèo.  
Vu cho Phò Cát (4) đảng nhiều,  
Lâm nghề uổng sát (5) mang điều bắt công.

(1) *Cát nhân thiên-tướng* 吉人天相 là người tốt trời giúp.

(2) *Phụ-chính* đây là nói Nguyễn văn Tường.

(3) *Vấn-thân* 文紳 là những người văn học, sĩ-phu.

(4) *Phò Cát* là phò-mã Cát.

(5) *Uổng sát* 枉殺 là giết oan.



Giải hòa khắp du khuyển cùng,  
Mà dân chẳng khứng thuận tưng lạ thay.  
Dẹp loạn phải cậy người Tây,  
Sinh linh tàn hại chầy ngày chữa an.

SAI NGƯỜI ĐI TÌM  
V U A HÀM - NGHI

Rước vua nay kíp phái quan,  
Ai ngờ Tôn-Thuyết đem đường lánh xa.  
Quanh co tìm kiếm chẳng ra,  
Thượng du non núi rất là khó đi.  
Thăm dò may gặp có khi,  
Giữa đường lại bị cướp đi biệt tông.  
Đồn nghe chiếu dụ tung-bùng,  
Bay tư các tỉnh lầy-lùng cần-vương.  
Huyền truyền hưởng ứng tứ phương,  
Đốc toan cử nghĩa trùng quang cơ-đồ.  
Pháp nhân chẳng khứng bảo phò,  
Rằng tôn người khác, giao cho thành-trì.

NGUYỄN HỮU ĐỘ Ở BẮC  
VÀO HUẾ BẤT HÒA VỚI  
NGUYỄN VĂN TƯỜNG

Có quan Tổng-đốc Bắc-kỳ (1),  
Tên là Hữu Độ, bôn tri vào kinh.

---

(1) Tương truyền rằng khi Nguyễn Văn Tường và Tôn-thất Thuyết đang chuyên-quyền ở Huế, thấy Nguyễn Hữu Độ đang làm chức Tỉnh-biên phó-sứ ở Đuan-hùng-đạo về theo Pháp được cất lên làm Tổng-đốc ở Hà-nội, Tường và Thuyết tức lắm, bèn giáng Nguyễn Hữu Độ xuống đến chức tòng cửu-phẩm, là chức cuối cùng trong quan-chế. Song sợ Pháp mà vẫn dè làm Tổng-đốc ở Hà-nội, cho nên trong tờ sắc có câu: Nguyễn Hữu Độ, tòng cửu-phẩm, lĩnh Hà-Ninh Tổng-đốc. (Hà-Ninh là Hà-Nội và Ninh-bình).

Trách rằng (1) : « Đền nổi mắt thành,  
Làm tôi như vậy nghĩ mình phải chừa.  
Quyền đương nay hãy tự cư,  
Đề coi sửa việc bao giờ đặng xong ».  
Pháp nhân lập ước hội-đồng,  
Những điều lần hiệp khổ lòng y theo.  
Văn-Tường chẳng khứng thuận chiều,  
Trái tinh Hữu-Độ mượn điều Bắc quy.

### ĐỊNH LẬP VUA KHÁC

Pháp quan khiến chớ trì nghi,  
Đặt ai tua kịp liệu đi chớ chầy.  
Văn-Tường triều yết tâu bày,  
Gửi rằng : « Xử biến phải rày tùy nghi (2).  
Vả nay nhà nước gian nguy,  
Đều nhờ thánh đức duy-trì chủ-trương.  
Nói ngời nguyện dãi tiên hoàng,  
Mời yên thừa dạ kẻ thương tâm tình ».  
Phán rằng : « Sự ấy đã đành,  
Kiên-giang chĩnh đó một mình mà thôi.  
Lớn khôn tính sửa nét rồi,  
Dựng nên ấy cũng là trời phó cho.  
Ngừa nhờ liệt thánh âm phò,  
Họa là may lại qui-mô vững bền ».  
Văn-Tường gửi ý rất nên,  
Xin ban ý-chỉ về truyền Pháp nhân.

### NGUYỄN VĂN TƯỜNG

#### BỊ BẮT ĐI ĐÀY

Vài ngày bỗng thấy báo rằng,  
Pháp quan đã bắt Nguyễn-Văn xuống tàu.

(1) Nguyễn Hữu Độ trách Nguyễn Văn Tường.

(2) Xử biến tùy nghi 處變隨宜 là gặp biến, tùy theo phương-tiện.

Thất kinh việc ấy bồi dàu,  
Vừa nghe có phiến gửi tàu sự tình.

Rằng : « Nay Pháp quốc Thống-binh (1),  
Trách quan Phu-chính lệnh hành chẳng xong.  
Hẹn cho hai tháng giao cùng,  
Việc gì việc nấy hết lòng sửa toan.  
Trong ngoài đều thấy cho an,  
Nay đã quá hạn lại càng phân-vân.  
Vậy nên cứ pháp nghiêm răn,  
Đày ra hải-đảo tội chẳng dung rày.

NGUYỄN HỮU ĐỘ VÀ  
PHAN ĐÌNH BÌNH VÀO  
HUẾ GIỮ TRIỀU CHÍNH

Còn như việc nước Nam đây,  
Có người Hữu-Độ tài hay khá dùng.  
Phan đình Bình cũng tôi trung,  
Giao hai người ấy đồng lòng toan đương.  
Bắc-kỳ Trọng-Hợp sửa-sang,  
Quyền thay kinh-lược một phương giữ-gìn.

KHÂM-SỨ PHÁP VÀO YẾT-  
KIẾN BÀ THÁI-HẬU

Cải đồ ngõ nước mau yên,  
Tham-bô (2) khâm-sứ xin lên tàu bày.  
Sự này mới thấy xưa nay,  
Chẳng cho thời sợ, biết rày làm sao.  
Hãy cho, thử việc thế nào,  
Minh-khiêm truyền chọn để vào triều thăm.  
Ý không biết phép nước Nam,  
Rằng : « Cho thấy mặt biết cam thừa lòng.

(1) Thống-binh đây là nói tướng de Courcy.

(2) Tham-bô là tên người nước ta gọi ông Champeaux.

Gửi xin tam cuốn sách rỗng,  
 Yết rồi bỏ xuống gỗ cùng hỏi-han»,  
 Lạ-lùng diện mạo y quan,  
 Dạ-xoa mẽ dáng (1) kinh hoàng xiết mô.  
 Tiếng như chim-chóc liu-lo,  
 Nguyễn Hoành (2) thông dịch phân phó mới tường.  
 Rằng : « Nguyên hai nước ước thương,  
 Chín vì lợi ích bảo an lâu dài.  
 Vì người nghịch Thuyết cãi lời,  
 Vậy nên đến nỗi ương-tai rối loạn.  
 Nhờ nay Giám-quốc (3) rộng khoan,  
 Thành-trị đất nước giao hoàn lại cho.  
 Nguyên văn Tường vụng mưu lo,  
 Để cho đến nỗi còn-đồ nhiều-nhưong.  
 Muốn mau đặng nước vững-vàng,  
 Phải toan cánh lập quốc-vương mới đành.  
 Hoàng-trừ có đó sẵn dành,  
 Phụ truyền tử kế, chinh danh phận rồi.  
 Cầm quyền sửa trị có người,  
 Đất thành giao lại, giữ coi hộ-phù.  
 Hàm-nghi xa lánh nơi mô,  
 Dâu về thời cũng phong cho công-hầu ».

Mấy lời nghe rõ trước sau,  
 Dâu quan mình ấy phép tâu dường nào.  
 Hai quan đồng tiếng gửi vào (4),  
 « Chúng tôi cùng dạ ước-ao đêm ngày.  
 Qui quan phân vậy rất hay,  
 Nghiệp lành con nối, dân rày mới an ».

(1) Mẽ dáng là vẻ ngoài.

(2) Nguyễn Hoành 阮宏, người Hà-tĩnh, chân thầy dòng ra làm thông-ngón.

(3) Giám-quốc nước Pháp.

(4) Hai quan đây là Nguyễn Hữu Độ và Phan đình Bình.

Trước nhờ Thánh đức chủ-trương,  
 Sau nhờ Thái-hậu mỗi giường sửa-sang.  
 Bảo phù lại có quý quan,  
 Ất là bình trị phục hoàn như xưa ».

Thoảng nghe mọi nỗi bày thừa,  
 Phán rằng : « Đặng vậy cũng nhờ các người.  
 Nay ta đều thấy y lời,  
 Đò thành khả kíp giao lai mã (1) chầy ».

Kiêu-giang-công rước về đây,  
 Xung-khiêm tạm trú chờ ngày hồi đò.  
 Vì sao cướp đặng lại cho,  
 Vì dân mến chúa phải lo phục người.

Nền nhân cõi đức tầm bồi,  
 Dầu mà muốn hiệp nào trời khứng cho (2).  
 Rước lòng Pháp quốc hộ-phù,  
 Trước về ngõ đặng thăm dò đường bao.

Quan minh tề tập hội triều,  
 Kinh thành bèn khiến bàn giao tức kỳ.  
 Tôn thân có dạ kính vì,  
 Xem tình chẳng chút man-khi lộ mầu.

Sai quan các việc rõ tâu,  
 Xin hầu Từ-giá khá mau ngự hồi.  
 Cung đèn chốn cũ trùng lai,  
 Nhện chằng, cỏ lấp, trần-ai bốn bề.

Nhà không khói lạnh ủ-ê,  
 Thoạt nhìn chi xiết thảm-thê ngại-ngùng.  
 Vì ai gây việc tại hung,  
 Thịnh suy đến đổi nghĩ lòng cảm thương.

Nhà vàng lại đặng dựa nương,  
 Muôn thu trường hưởng thọ khang yên lành.

(1) Mã là tiếng cò, nghĩa là chớ.

(2) Xem những lời ấy, đủ rõ là người mình lúc ấy không hiểu gì về cái chính-sách thực-dân của Pháp.

Kể chi những vật trọng khinh,  
Đã đành thất-thoát lưu-linh còn gì (1).

### VUA ĐỒNG-KHÁNH LÊN NGÔI

Chính tư sau hãy tùy nghi,  
Tự-quản mọi việc liệu bề khôi trương.  
Chọn ngày hiệp cát đặng quang (2),  
Kỷ nguyên Đồng-khánh chiếu ban xa gần.  
Yên dân rồi sẽ phủ tuần (3),  
Suy tôn nay phải trước đặng thỏa tình.

### GIA TÔN BÀ THÁI-HẬU

Tuất niên (4) đại lễ cử hành,  
Gia tôn bác huệ giữ lành ban ra.  
Thuận thừa đức ngời tề gia,  
Tấn tôn : *Trang ý doãn hòa từ huy* (5).  
Dầm mưa nhuận vị ân suy,  
An rày nhờ bởi khôn-nghi đức dày.

### VUA ĐỒNG-KHÁNH RA QUẢNG-TRỊ

Tháng tư vừa mới chọn ngày,  
Thần chinh binh trị quan Tây hộ-tùy.  
Chẳng phiền đánh dẹp ra uy,  
Thấy vua dân phải hết nghi xin dầu.

- 
- (1) Nói đồ vật ở trong cung mất nhiều.  
(2) *Đặng-quang* 登光 là lễ lên ngôi.  
(3) *Phủ tuần* 撫循 là đi kinh-lý và vỗ-về nhân-dân.  
(4) *Tuất-niên* là năm Bính-tuất (1886).  
(5) *Trang ý doãn hòa từ huy* 莊懿允和慈徽 là hiệu của bà Từ-dụ Thái-hoàng Thái-hậu.

Thành công mà dặng rất mau,  
Ngô quân chi tử, ai hầu chẳng theo.  
Tháng sáu ngự giá hồi trào,  
Phong sương cảm mạo dưỡng điều mới an (1).

Ba quân tâu khúc khải hoàn,  
Trung-hung công-đức đốc toan sánh bì.  
Đương quyền dụng ý thi vi,  
Cựu qui canh cải, tân qui ban hành.  
Riêng lòng hậu sở bản sinh,  
Ngưng-hy ấy điện, Thiên-thành ấy lăng (2).  
Địa tàng (3) đã sẵn kim ngân,  
Đủ dùng doanh phí trăm phần chi lo.  
Để vương dương trợ âm phò,  
Bách linh tướng hựu (4) lý cho phúc tường.

### VUA ĐỒNG-KHÁNH MẤT

Cớ sao chẳng dặng thọ trường,  
Đạo trời lòng-lộng không thường khổ thay.  
Ba năm lịch mới kỷ đây,  
Chơi tiên rày đã xe mây tếch vơi.  
Lãng dền đều đã sẵn nơi,  
Ngâm hay thiên ý khiến xui chẳng là.

### VUA THÀNH-THÁI

#### LÊN NGÔI

Lẽ thời con nối nghiệp cha,  
Song còn mặng sửa để hòa dặng vay.  
Định tôn thương với quan Tây,  
Cứ trong lẽ thẳng luận rày phải thay.

(1) Theo sách của người Tây viết, và có nhiều người khác nói, thì Tây đem vua Đồng-khánh ra Quảng-trị và Quảng-bình, đến chỗ nào cũng có quân Cần-vương chống-cự, sau vua phải đi tàu thủy từ Đồng-hới trở về Huế.

(2) Ngưng hy 凝禧 là tên điện; Thiên thành 天成 là tên lăng.

(3) Địa tàng là của chôn ở dưới đất.

(4) Bách linh tướng hựu 百靈相祐 là trăm thần linh giúp rập.

Thương người (1) oan khuất bấy chầy,  
Con đà khôn lớn vừa nay cầm quyền.

Vốn là công đạo đương nhiên,  
Giúp tri đã có chư hiền tán tưng (2).

Khôn-nghi (3) nhờ đức chủ-trương,  
Đồng lo chấn-chỉnh mỗi giương sửa-sang.

Kỷ nguyên Thành-thái đặng quang,  
Thần dân đẹp dạ, lân bang (4) vui lòng.

Trước lo tôn miếu tiến cung (5),  
Sau lo chấn tuất tai hung dân tình.

LỄ BÁT TUẦN

BÀ THÁI-HẬU

Kính dâng lễ lớn cử hành,  
Doãn cho cháu chắt tấc thành chút thân (6).

Vừa đương thánh thọ bát tuần,  
Tôn dâng khang thọ, chúc mừng muôn xuân.

Thái-hoàng Thái-hậu đức thuần,  
Gia tôn *Thuận-hiểu* nền nhân kế thừa.

Xa gần cảm đội ơn nhờ,  
Ở-ăn buôn-bán bấy giờ dặng an.

Phụ-thần muôn việc giúp toan,  
Vua còn trùng ấu văn-chương tập rèn.

Cảm lòng dân thủy chúc nguyên,  
Trời cho Từ-du thiên niên tuổi dài.

Ngâm suy sau trước sự đời,  
Loạn rồi lại trị, chúa tôi sum vầy.

= HẾT =

(1) *Thương người* đây là nói thương ông Dục-đức chết oan.

(2) *Tán tưng* 贊襄 là giúp-dỡ.

(3) *Khôn nghi* 坤儀 là nói bà Thái-hậu.

(4) *Lân bang* đây là nói nước Pháp.

(5) *Tiến cung* 薦供 là cúng lễ nhà tôn-miếu.

(6) *Thân* 伸 là bày-tỏ. Vua Thành-thái là cháu bà Thái-hậu.



# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN - VIỆT

SANG LẬP NĂM 1937

đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

Tòa-soạn và Trị-sự : 20, Amiral Courbet (étage No 2) SAIGON

**Hiện còn những thứ mới.**

## SÁCH GIÁO-KHOA

1. — VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC của *Trần-trọng-Kim*  
(Trọn bộ 100 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-miền 110 \$ 00)
2. — VIỆT THI của *Trần-trọng-Kim*  
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 20 \$ 00)
3. — TRUYỆN THỦY-KIỆU của *Nguyễn-Du*  
do *Bùi-Kỷ* và *Trần-trọng-Kim* hiệu-khảo  
(Giá 28 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lèo 32 \$ 00)
4. — VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ba ông :  
*Phạm-duy-Khiêm* *Bùi-kỷ* và *Trần-trọng-Kim*  
(Giá 28 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lèo 32 \$ 00)
5. — QUỐC-VĂN CỤ-THẺ của *Ưu-Thiên Bùi-Kỷ*  
(Giá 23 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lèo 26 \$ 00)
6. — ĐƯỜNG THI của *Trần-trọng-Kim*  
(Giá 55 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 60 \$ 80)
7. — SƠ HỌC LUÂN-LÝ của *Trần-trọng-Kim*  
(Giá 23đ.00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 26đ.00)
8. — CUNG OÁN NGÂM KHÚC của *Ôn như Hầu*  
do giáo-sư TÔN THẮT LƯƠNG chú-thích  
(Giá 13 đ. 00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 14 đ. 00)
9. — TRUYỆN TRÊ CỐC  
do cụ BÙI KỶ hiệu-dinh  
(Giá 6 đ. 00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 7 đ. 00)
10. — TRUYỆN TRINH THỦ  
do cụ BÙI KỶ hiệu-dinh  
(Giá 8đ.00 — Trung-Bắc Miền-Lèo 9đ.00)
11. — LỤC SỨC TRANH CÔNG  
do cụ BÙI KỶ hiệu-dinh  
(Giá 5đ.00 — Trung-Bắc Miền-Lèo 6đ.00)
12. — CHINH PHỤ NGÂM  
do giáo-sư TÔN THẮT LƯƠNG chú-thích  
(Giá 26 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 29 \$ 00)
13. — HOA TIÊN TRUYỆN  
do giáo-sư TÔN THẮT LƯƠNG chú-thích (đang in)
14. — HẠNH THỰC CA  
do cụ TRẦN TRỌNG KIM phiên-dịch và chú-thích  
(Giá 9 đ.00 — Trung-Bắc-Miền-Lèo 10 đ. 00)

15. — HOA ĐIỀU TRANH NẮNG  
do cụ BUI KỶ *hiện-dinh* (sắp có bán)
16. — LỤC VĂN TIÊN (sẽ xuất-bản)

### VIỆT-NAM CHÍ-SI

1. — PHAN ĐÌNH-PHÙNG của *Đào Trinh-Nhất*  
(Giá 30 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 34 \$ 00)
2. — NGUYỄN THÁI-HỌC của *Nhượng-Tổng*  
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 20 \$ 00)
3. — PHAN BỘI-CHÂU của *Thế-Nguyên*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 16 \$ 00)
4. — PHAN CHÂU TRINH của *Thế-Nguyên*  
(Giá 14 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 15 \$ 00)
5. — HUỲNH THỨC-KHÁNG của *Thế-Nguyên*  
(Giá 12 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 13 \$ 00)
6. — PHAN THANH GIẢN của *Nam xuân Thọ*  
(Giá 16 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 18 đ 00)

### SÁCH KHẢO-CỨU

1. — VƯƠNG DƯƠNG MINH của *Đào-trình Nhất*  
(Giá 32 đ 00 — Ngoài Nam Việt 36 đ 00)
2. — VIỆT SỬ GIAI-THOẠI của *Đào trình Nhất*  
(Giá 20 đ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 22 đ 00)
3. — TINH-THẦN KHOA-HỌC của *Nguyễn văn Tài*  
(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)  
(Giá 17 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 19 \$ 00)
4. — PHẬT GIÁO của *Trần trọng Kim*  
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 20 \$ 00)

### THI-NHÂN VIỆT-NAM

1. — TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ  
(Văn-chương và thân-thể *Trần-tế-Xương*) của *Trần-thanh-Mai*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 16 \$ 00)

### TỦ SÁCH DỊCH

1. — NGỤC TRUNG THU của cụ *Phan-bội-Châu*  
Bản dịch của *Đào-trình-Nhất*  
(Giá 12 đ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 13 đ 00)

### TIỂU-THUYẾT NGUỒN SÁNG

1. — ĐI TÌM LÉ SỐNG của *Nguyễn-anh-Dũng*  
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 11 \$ 00)
2. — XÂY DỰNG của *Nguyễn-minh-Châu*  
(Giá 9 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 10 \$ 00)
3. — NGƯỜI ĐI của *Bích-Ngọc*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc-Miền-Lào 12 \$ 00)
4. — BÊN MỒ của *Hoàng-Kim*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc Miền-Lào 12 \$ 00)
5. — LỘT VỎ của *Nhất-Tâm*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16 \$ 00)
6. — MANH ÁO NGỰ HÀN của *Nguyễn-dạt-Thịnh*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 12 \$ 00)
7. — KON TRÔ của *Lý-văn-Sâm*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miền 16 \$ 00)

- 8.— HẠN NGƯỜI TÙ-SÍ của *Hoàng-Kim*  
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 9 \$ 00)
- 9.— THAU KHAO của *Nguyễn-dạt-Thịnh*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc Miên-Lèo 12 \$ 00)
- 10.— MỘT NGƯỜI ANH của *Đặng-thị Thanh-Phương*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc Miên-Lèo 12 \$ 00)
- 11.— NGƯỜI CHIẾN-BINH BẠC-MỆNH của *Ng.-dạt-Thịnh*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc Miên-Lèo 12 \$ 00)
- 12.— VỀ THÀNH của *Hoài-Tàn*  
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 9 \$ 00)
- 13.— ĐÁU ? MỘT NGÀY VỀ của *Hoàng-Kim*  
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 9 \$ 00)
- 14.— TÌNH VÀ NGHĨA-VỤ của *Nhất-Tâm*  
(Giá 9 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 10 \$ 00)
- 15.— TRÊN ĐƯỜNG NHIỆM VỤ của *Đặng-thị Thanh-Phương*  
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 11 \$ 00)
- 16.— DÂN QUÊ của *Phi-Vân*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 16 \$ 00)
- 17.— CÔ KÝ của *Nhất-Tâm*  
(Giá 11 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 12 \$ 00)
- 18.— NHỮNG TIA NẮNG MỚI của *Đặng-thị Thanh-Phương*  
(Giá 10 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 11 \$ 00)
- 19.— SƯƠNG GIÓ BIÊN THỦY của *Lý-văn-Sâm*  
(Giá 15 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 16 \$ 00)
- 20.— LÁ CỜ HỒNG THẬP của *Nhất-Tâm*  
(Giá 8 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 9 \$ 00)
- 21.— NGŨ VƯƠNG QUYỀN của *Trần-thanh-Mại*  
(Giá 18 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 20 \$ 00)
- 22.— GIÓ MỚI *văn-phẩm của 5 nhà văn tiền-tiến*  
(Giá 7 \$ 00 — Trung-Bắc và Cao-Miên 8 \$ 00)
- 23.— VƯỢT NGỤC của *Nguyễn Minh-Châu*  
(Giá 9 \$ 00 — Trung-Bắc-Miên-Lèo 10 \$ 00)
- 24.— CHIẾN ĐẤU của *Nguyễn hữu Phước*  
(Giải nhất cuộc thi văn-chương của sở Thông-Tin Nam-Việt năm 1943)  
(Giá 14 \$ 00 — Trung-Bắc-Miên-Lèo 16 \$ 00)

Sẽ xuất-h bản

## VƯƠNG AN THẠCH

Nhà đại văn-hào, đại chính-trị đời Tống ở thế-kỷ XI ngang triều Lý Nhân-Tông nước ta và có chỗ quan-hệ với nước ta cả về chính-sách ngoại-giao và quân-sự.

trong "Tủ sách khảo-cứ" TẢN VIỆT

của ĐÀO TRINH NHẬT

CÁC BẠN NHỚ ĐÓN XEM

**2** tác-phẩm vô cùng giá-trị —  
(chưa hề xuất-bản) —

của cụ Nguyễn đình Chiểu

tác-giả **LỤC VĂN TIÊN**

# **NGŨ TIÊU VẤN-ĐÁP**

do **PHAN VĂN HÙM** hiệu-dinh và chú-thích  
**NHƯỢNG TỔNG** tăng-bình bổ - chú

VÀ

# **DƯ' O'NG TÙ' HÀ MẬU**

Cũng do **PHAN VĂN HÙM** hiệu-dinh  
Hai quyển trên đây đều thuộc về loại **CỔ VĂN  
VIỆT - NAM** của nhà xuất-bản **TÂN - VIỆT**

**NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT**

Trị sự tạm thời : 20. AMIRAL COURBET (étage N° 2) Saigon

HÀNH THỰC CA  
của cụ TRẦN TRỌNG  
KIM phiên - dịch và  
chú-thích in lần thứ  
nhất do nhà T Á N  
VIỆT xuất-bản— giấy  
phép xuất-bản số 114-  
T.X.B. của bộ Thông  
Tin - Tuyên Truyền  
Nam-phần Việt - Nam

# NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SẮP PHÁT-HÀNH

## TRUYỀN HOA TIÊN

trong "Tủ sách giáo-khoa"

của **NGUYỄN HUY TỰ**

Một kiệt-tác văn-chương đứng ngang hàng với  
quyển **TRUYỀN THÚY - KIỀU** của **NGUYỄN D**  
do cụ **TÔN THẤT LƯƠNG** chú-thích và dẫn-gi

ĐANG IN

## HOA ĐIỀU TRANH NẴNG

của **VÔ DANH THỊ**

do cụ **Ưu-thiên BÙI KỶ** hiệu-định

## TRÊN ĐƯỜNG GIẢI-PHÓNG

Quyển tiểu-thuyết mở đầu cho loại **Tiểu-thuyết**  
**dịch Tân Việt** (dày ngót 400 trang) — Một tác-phẩm  
rất giá-trị của

ông *Lương Giang* **PHẠM TRỌNG NHÂN**  
**HỘI TRƯỞNG HỘI DU HỌC-SINH VIỆT-NA**

# NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

Tri-sự tạm thời : 20, AMIRAL COURBET (étage N° 2) Saig

Giấy phép xuất-bản  
Số 114 / T. X. B.  
của bộ T. T. T. T.  
Nam-phần Việt-Nam

**HẠNH THỰC C**

Giá. . . . 9 \$ 0

Trung, Bắc, Miền, L